



**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC SÀI GÒN**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2025



**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC SÀI GÒN**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Giai đoạn đánh giá: 2020 - 2024)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2025



**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**

*(kèm theo Quyết định số 257/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 3 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn)*

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga Phó Giám đốc, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn	Trưởng Đoàn	
2	ThS. Lê Như Dзи Kiểm định viên, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn	Thư ký	
3	TS. Nguyễn Văn Hải Kiểm định viên, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn	Thành viên thường trực	
4	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuân Nguyên Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN	Thành viên	
5	TS. Nguyễn Thị Thu Hà Hiệu trưởng, Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Thành viên	

(Danh sách có 05 người)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	5
PHẦN I TỔNG QUAN	7
I. Giới thiệu chung.....	7
II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	7
III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	10
PHẦN II ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ.....	20
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	23
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	28
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	33
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	37
VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	44
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	54
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	61
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	68
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	75
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	85
PHẦN III KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	95
I. Kết luận	95
II. Kiến nghị	95
PHẦN IV PHỤ LỤC	96
Phụ lục 1 Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học Tài chính - Marketing và Khoa Kinh tế - Luật	97
Phụ lục 2 Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing	103
Phụ lục 3 Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing	106
Phụ lục 4 Lịch trình đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing	108
Phụ lục 5 Công văn phản hồi của Trường Đại học Tài chính - Marketing về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế	112
Phụ lục 6 Văn bản của đoàn đánh giá ngoài gửi Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của đoàn đánh giá ngoài	113

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CĐR	Chuẩn đầu ra
3.	CLPT	Chiến lược phát triển
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6.	CSGD	Cơ sở giáo dục
7.	CSVC	Cơ sở vật chất
8.	CTDH	Chương trình dạy học
9.	CTĐT	Chương trình đào tạo
10.	CTSV	Công tác sinh viên
11.	CVHT	Cổ vấn học tập
12.	ĐATS	Đề án tuyển sinh
13.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
14.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
15.	ĐCHP	Đề cương học phần
16.	ĐHTCM	Đại học Tài chính - Marketing
17.	ĐT	Đào tạo
18.	GDĐH	Giáo dục đại học
19.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20.	GV	Giảng viên
21.	HP	Học phần
22.	KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
23.	KQĐG	Kết quả đánh giá
24.	KQKS	Kết quả khảo sát
25.	KQHT	Kết quả học tập
26.	KSCT	Khảo sát chính thức
27.	KSSB	Khảo sát sơ bộ
28.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
29.	KT&QLCL	Khảo thí và Quản lý chất lượng

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
30.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31.	NCV	Nghiên cứu viên
32.	NH	Người học
33.	NHTN	Người học tốt nghiệp
34.	NTD	Nhà tuyển dụng
35.	NV	Nhân viên
36.	PGS.TS	Phó giáo sư Tiến sĩ
37.	PPDH	Phương pháp dạy học
38.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
39.	PPHT	Phương pháp học tập
40.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
41.	QĐ	Quyết định
42.	QLTS&CNTT	Quản lý tài sản và Công nghệ thông tin
43.	QLĐT	Quản lý đào tạo
44.	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
45.	TC-KT	Tài chính - Kế toán
46.	TC-HC	Tổ chức - Hành chính
47.	TĐG	Tự đánh giá
48.	THPT	Trung học phổ thông
49.	ThS	Thạc sĩ
50.	TLGD	Triết lý giáo dục
51.	TLTK	Tài liệu tham khảo
52.	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
53.	TS	Tiến sĩ
54.	TNTB	Tốt nghiệp trung bình
55.	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
56.	TS-TT&QHĐN	Tuyển sinh - Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp

PHẦN I TỔNG QUAN

I. Giới thiệu chung

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18/3/2025 của Giám đốc Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn. Đoàn ĐGN gồm 05 thành viên do PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga, số thẻ 2014.1.039, Phó Giám đốc Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với Trường/Khoa để cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing và các phụ lục kèm theo:

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học Tài chính - Marketing và Khoa Kinh tế - Luật;

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Phụ lục 3. QĐ thành lập Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Phụ lục 4. Lịch trình ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Phụ lục 5. Phản hồi của Trường Đại học Tài chính - Marketing về dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế;

Phụ lục 6. Văn bản của Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn gửi Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN.

Những nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Trường cung cấp tính đến thời điểm ngày 02/3/2025; trên cơ sở các kết quả hoạt động của Trường trong giai đoạn 2020-2024, từ các minh chứng thực trạng của Trường đến các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan trong quá trình đánh giá.

II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày

14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức;

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng: (i) Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Trường và Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn cung cấp để xác định những vấn đề chưa rõ trong các hoạt động của Trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; (ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG; (iii) Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Trường từ các BLQ; (iv) Phỏng vấn, thảo luận với các BLQ trong và ngoài Trường; quan sát, kiểm tra CSVC, trang thiết bị và các hoạt động trong Trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) Nghiên cứu Hồ sơ TĐG: Từ ngày 18/3/2025 đến ngày 24/3/2025

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn ĐGN nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) Họp Đoàn ĐGN: Ngày 25/3/2025

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Trường, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị, đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) Khảo sát sơ bộ: Ngày 26/3/2025

Trưởng đoàn ĐGN, Thư ký Đoàn, thành viên của Đoàn ĐGN và Giám sát Đoàn (là đại diện Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn) đã tiến hành khảo sát sơ bộ trực tiếp tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Trường, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm liên quan; Khoa Kinh tế - Luật, các Bộ môn của Khoa Kinh tế - Luật. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao

đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức.

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ sau khảo sát sơ bộ.

(4) Khảo sát chính thức: Từ ngày 08/4/2025 đến ngày 11/4/2025

Đoàn ĐGN đã tham dự phiên khai mạc nghe Lãnh đạo Trường và đại diện lãnh đạo Khoa Kinh tế - Luật báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động và phát triển của Trường, của Khoa và của CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế trong giai đoạn đánh giá 2020-2024. Các thành viên Đoàn ĐGN đã kiểm tra các hồ sơ minh chứng lưu trữ tại phòng dành riêng cho Đoàn ĐGN tại Trường; trao đổi, thảo luận trực tiếp với Lãnh đạo Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Trường; thường trực Hội đồng TĐG của Trường. Đoàn đã phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến 06 cán bộ (CB) quản lý chuyên môn, 18 giảng viên (GV), 30 CB hỗ trợ và CB đoàn thể, 18 NH đại học chính quy, 12 cựu NH và 18 nhà tuyển dụng (NTD); Đoàn đã tham quan CSVC, trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Luật kinh tế gồm: Các văn phòng khoa, phòng chức năng, một số phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, căn tin, ký túc xá, trạm y tế, sân bãi thể dục thể thao và hạ tầng CSVC khác. Khảo sát (qua Google Forms) về tình hình việc làm đối với 26 cựu NH hệ chính quy, tốt nghiệp trong giai đoạn đánh giá, tỉ lệ có việc làm trong vòng 06 tháng là 57,7%, tỉ lệ làm đúng chuyên môn được đào tạo là 53,8%, mức lương trung bình là 5,5 triệu đồng/tháng.

Đoàn đã dành nhiều thời gian tiếp CB, GV để trao đổi, làm rõ thông tin. Cuối mỗi ngày làm việc, Đoàn đã thảo luận, trao đổi, đánh giá những phát hiện, những vấn đề cần làm rõ và thống nhất các nội dung đánh giá.

Từ ngày 08/4/2025 đến ngày 11/4/2025, thành viên Đoàn ĐGN tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo các tiêu chuẩn/tiêu chí được phân công. Cuối đợt khảo sát, Đại diện Trung tâm, Đoàn ĐGN và Trường đã ký kết biên bản kết quả khảo sát chính thức.

(5) Viết dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ ngày 12/4/2025 đến ngày 24/4/2025, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Ngày 25/4/2025, dự thảo Báo cáo ĐGN được hoàn thiện và được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Trường.

(6) Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Sau khi nhận được văn bản phản hồi dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing (Công văn số 1289/ĐHTCM-KTQLCL ngày 28/4/2025), Đoàn ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 29/4/2025. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Trường (qua Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn) theo đúng quy định. Trung tâm đã gửi Công văn số 340/KĐCLGDSG ngày 29/4/2025 kèm theo Báo cáo ĐGN tới Trường Đại học Tài chính - Marketing.

III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế đã xác định gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng các quy định tại Luật Giáo dục đại học; phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường; và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được rà soát, chỉnh sửa theo định kỳ; được xây dựng cơ bản đầy đủ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam; xác định cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt khi hoàn thành chương trình đào tạo; và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả chương trình đào tạo có đầy đủ thông tin theo quy định; được định kỳ rà soát, cập nhật. Đề cương chi tiết các học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất chung của Trường; được định kỳ rà soát, cập nhật vào các năm 2022, 2024, và thể hiện mối quan hệ giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần được phổ biến đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, thông qua các hoạt động quảng bá tuyển sinh, trên trang thông tin điện tử của Trường.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường; các tổ hợp phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các học phần được thiết kế theo hướng dẫn của Trường. Đề cương chi tiết học phần có ma trận liên kết chương mục với chuẩn đầu ra, ma trận liên kết phương pháp

day, học và ma trận liên kết giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra; nội dung học phần, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá được đánh giá hàng năm. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; tiến trình đào tạo được bố trí cơ bản hợp lý trong từng học kỳ; được rà soát, điều chỉnh năm 2022 và 2024.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức; được phổ biến đến cán bộ giảng viên, nhân viên và người học thực hiện; được giới thiệu, phổ biến đến các bên liên quan. Khoa/Bộ môn, giảng viên xây dựng hoạt động và phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp hướng đến chuẩn đầu ra; có hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Người học có nhiều cơ hội để hình thành và phát triển các kỹ năng mềm và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Giảng viên và người học hài lòng với hoạt động dạy và học.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường ban hành đầy đủ các quy chế, quy định, quy trình hướng dẫn về việc thiết kế, thực hiện các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đảm bảo đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các quy định về hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá của người học được phổ biến, công khai và thực hiện nghiêm túc. Trường sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo đo lường các yêu cầu, chuẩn đầu ra cần đo. Các quy định về phản hồi đầy đủ, rõ ràng được phổ biến, công khai cho người học và thực hiện đầy đủ, người học dễ dàng tiếp cận và hài lòng với việc giải quyết các khiếu nại về kiểm tra đánh giá.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường/Khoa đã có quy hoạch đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó chỉ rõ số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên; các chủ trương, chính sách để xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao được xác lập và tích cực triển khai thực hiện. Tỷ lệ người học/giảng viên đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định về việc quy đổi giờ chuẩn, về số giờ giảng/khối lượng công việc đối với giảng viên, về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực giảng viên, về loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, về giám sát, đánh giá kết quả công việc và khen thưởng đội ngũ giảng viên đáp ứng các quy định hiện hành, được công khai và được thực hiện tường minh, dân chủ. Kết quả xếp loại chất lượng giảng viên được sử dụng để tính định mức thu nhập. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng

viên được khảo sát, được đáp ứng đầy đủ.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Trường đã quy hoạch đội ngũ nhân viên cho cả giai đoạn và cho từng năm. Đội ngũ 151 nhân viên hiện có đủ số lượng và năng lực để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của 419 giảng viên và gần 22.000 người học. Các quy định về tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại, khen thưởng nhân viên được xác định rõ ràng, được công khai và được thực hiện tường minh, dân chủ. Kết quả đánh giá nhân viên được sử dụng trong chi trả thu nhập. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên được khảo sát, được triển khai thực hiện theo kế hoạch kèm chính sách hỗ trợ.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được xây dựng căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cập nhật hằng năm. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ người học trong học tập, nghiên cứu khoa học. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và gia hạn học tập. Trường có phân công đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học. Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học tập tại khoa và Trường. Môi trường học tập thân thiện, an toàn, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, góp phần tạo tâm thế tích cực cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường. Các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng và cập nhật theo quy định. Thư viện nằm ở khu riêng, được trang bị công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng, có nguồn tài liệu tham khảo bản in, bản điện tử phong phú và được cập nhật hằng năm tại thư viện. Trường có ban hành quy định riêng và triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe; các quy định, nội quy về an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi

trường, sức khỏe và an toàn.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu của các bên liên quan phục vụ xây dựng, cập nhật chương trình dạy học và đã triển khai thực hiện. Quy trình/hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình dạy học được cải tiến phù hợp với yêu cầu về việc đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo có nhiều công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, có kết quả được sử dụng cho hoạt động dạy và học. Có Quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan và thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Trường có hệ thống quản lý đào tạo hỗ trợ theo dõi được người học đầu vào, đầu ra; tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình. Tỉ lệ thôi học, bỏ học thấp. Có tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có các giải pháp hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo. Trường có bộ phận thống kê tỉ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp. Có ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học và xác định các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Đã xác lập được mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, nhân viên, của toàn trường và được đối sánh giữa các năm, giữa các ngành trong Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trường/Khoa cần định kỳ lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách có hệ thống; có thêm các biện pháp phổ biến chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tới các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và người học để họ có thể tích cực, chủ động hơn nữa trong quá trình học tập và giảng dạy của mình. Khoa/ Bộ môn cần rà soát tính khả thi và đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bám sát hơn nữa các yêu cầu về mức tự chủ và trách nhiệm theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; rà soát để đảm bảo tương thích trong ma trận chuẩn đầu ra với mục tiêu chương trình đào tạo gắn với việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, hội nhập quốc tế.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa/Bộ môn cần rà soát cập nhật, điều chỉnh, bổ sung học liệu và làm rõ tính tương thích của các học phần với đóng góp cho việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Cần hướng dẫn chi tiết và cụ thể hơn hoạt động tự học của người học gắn với từng nội dung bài học để giúp người học chủ động hơn trong việc tự học, tự nghiên cứu và thực hiện các hoạt động học tập đáp ứng yêu cầu của học phần. Cần tăng cường hơn nữa việc lấy ý kiến các bên liên quan và phân tích sử dụng thông tin làm cơ sở điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trường/Khoa cần rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra các học phần trên cơ sở mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; hoàn thiện ma trận kết nối các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, xác định chuẩn xác, cụ thể mức độ đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo nguyên tắc tương thích có định hướng. Khi thiết kế các nội dung chương, mục tiêu của học phần và phương pháp dạy, học cần mở rộng thành phần, chú trọng lấy ý kiến đa dạng loại hình doanh nghiệp, các công ty nước ngoài, đại diện các hiệp hội nghề nghiệp để cập nhật thường xuyên nội dung của chương trình dạy học và của các học phần nhằm đáp ứng được yêu cầu thay đổi nhanh của nền kinh tế. Tăng tính thực tiễn trong các hoạt động dạy - học (Bài tập tình huống, báo cáo viên là các doanh nghiệp). Cần bổ sung thêm các học phần để đáp ứng chuẩn đầu ra và trang bị các kiến thức chuyên sâu chuyên ngành Tài chính định lượng để tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học đảm nhận các vị trí công tác sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường và Khoa cần xây dựng các hướng dẫn cụ thể nhằm triển khai nội hàm của Triết lý và Mục tiêu giáo dục vào chương trình đào tạo và các hoạt động dạy - học; có giải pháp tuyên truyền hiệu quả hơn đến giảng viên, người học về triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường; cần chú trọng hơn nữa việc phát triển các kỹ năng mềm cho người học như giao tiếp xã hội, kỹ năng làm việc nhóm; tăng tính sáng tạo, năng động, chú trọng các hoạt động tự học, rèn luyện kỹ năng để nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường cần có cơ chế giám sát hiệu quả để đảm bảo tuân thủ các quy định về kiểm

tra đánh giá đã ban hành; cần định kỳ rà soát, phân tích đánh giá sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra để có cải tiến, điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, của chương trình đào tạo; cần triển khai một cách hệ thống đo lường chuẩn đầu ra của học phần và đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; thực hiện định kỳ rà soát, đánh giá và lấy ý kiến phản hồi của người học về phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá cũng như kết quả đánh giá làm cơ sở cho các cải tiến nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá. Trường/Khoa cần đa dạng phương pháp kiểm tra, đánh giá, có sự phân tích phổ điểm, xây dựng ma trận đề thi để thiết kế đề thi cho phù hợp và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường cần quy định cụ thể thời lượng hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên; cần đánh giá hiệu quả các hình thức công khai tiêu chí tuyển dụng và tính hiệu quả của chính sách đãi ngộ giảng viên; bổ sung tiêu chí chất lượng vào tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên; cần tăng cường các lớp đào tạo - bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm; cần khảo sát sự hài lòng của giảng viên về kết quả thi đua, khen thưởng. Trường/Khoa cần chủ động xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia; cần có đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học khác.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Trường cần quy định thời lượng hoạt động phục vụ cộng đồng của nhân viên; cần có các tiêu chí tuyển dụng riêng, đặc thù đối với việc tuyển dụng nhân viên cho từng vị trí việc làm và đơn vị công tác; cần tăng cường các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, các lớp về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo; cần phân tích nguyên nhân sự chưa/không hài lòng của các bên liên quan đối với nhân viên để có giải pháp khắc phục. Cần khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả thi đua, khen thưởng. Cần cải tiến mẫu Kế hoạch công tác của nhân viên để thuận lợi cho việc giám sát, theo dõi.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường/khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các bên liên quan ngoài trường. Trường cần thực hiện cân đối số liệu tuyển sinh thực tế so với chỉ tiêu tuyển của năm. Cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc phối hợp của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của người học và các hoạt động hỗ trợ đã triển khai để có cơ sở cải tiến chất

lượng các hoạt động ngoại khóa, gia tăng các dịch vụ hỗ trợ trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người học. Các khảo sát ý kiến người học về hoạt động hỗ trợ và phục vụ; khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan cần được tiến hành định kỳ và cần đánh giá chi tiết hơn.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường cần quan tâm mở rộng diện tích và có nơi làm việc riêng, tạo không gian làm việc thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của đội ngũ lãnh đạo, tổ bộ môn, giảng viên và nhân viên. Thư viện cần rà soát, bổ sung nguồn học liệu của một số học phần được yêu cầu trong chương trình đào tạo nhất là phiên bản năm 2024. Trường/Khoa cần đầu tư mới phòng thực hành Phiên tòa giả định, thành lập và triển khai Trung tâm tư vấn luật. Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn, phòng chống cháy nổ cần được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Trường/Khoa cần rà soát, đánh giá hiệu quả, độ tin cậy của hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan. Cần tổ chức tập huấn các bước thực hiện quy trình xây dựng, rà soát chương trình dạy học cho giảng viên; hướng dẫn phân tích, đánh giá quy trình để hoàn thiện chương trình dạy học. Khoa cần có nhiều hoạt động chuyên môn nhằm triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động dạy và học. Cần sớm điều chỉnh, bổ sung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học như tư vấn, hoạt động hướng nghiệp. Trường cần rà soát các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong Quy chế đảm bảo chất lượng giáo dục để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Khoa cần đối sánh các kết quả đầu ra của chương trình đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của người học với các chương trình đào tạo trong các trường đại học cùng nhóm ngành (trong/ngoài nước) tương thích với tầm nhìn để có giải pháp cải tiến. Cần đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan với các chương trình

đào tạo khác trong Trường và ngoài Trường. Cần có quy định rõ ràng trong việc giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan.

3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1	4	4	4,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
Tiêu chuẩn 6								
Tiêu chí 6.1	4	4						
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	4	4						
Tiêu chí 6.4	5	5						
Tiêu chí 6.5	5	5						
Tiêu chí 6.6	4	4						
Tiêu chí 6.7	4	4						
Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1	5	4						
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	4	5						
Tiêu chí 7.4	5	5						
Tiêu chí 7.5	5	4						
Tiêu chuẩn 8								
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	4	5						
Tiêu chuẩn 9								
Tiêu chí 9.1	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chí 9.2	5	3						
Tiêu chí 9.3	4	3						
Tiêu chí 9.4	4	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4,83	6	100	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	5	4						
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	4						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
Tiêu chuẩn 11			4,80	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	5	4						
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	4	4						
Đánh giá chung CTĐT			4,82	50	100	4,00	45	90,00

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Trên cơ sở kết quả TĐG của Trường, Đoàn ĐGN đã nghiên cứu các minh chứng và thu thập đầy đủ thông tin từ các BLQ bảo đảm tính hợp pháp và xác thực trong quá trình nghiên cứu hồ sơ TĐG, khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại Trường Đại học Tài chính - Marketing. Đoàn ĐGN đã đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế theo từng tiêu chí, thông qua việc đưa ra các điểm mạnh, điểm tồn tại và các điểm cần cải tiến theo từng tiêu chí, đồng thời đánh giá mức đạt được của tiêu chí. Sau đây là kết quả đánh giá theo từng tiêu chí/tiêu chuẩn:

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

a) Điểm mạnh

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing (ĐHTCM) bắt đầu đào tạo từ năm 2021 (Quyết định (QĐ) số 501/QĐ-ĐHTCM ngày 19/3/2021) và được xác định theo định hướng ứng dụng. Mục tiêu của CTĐT ngành Luật kinh tế đã xác định gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng các quy định tại Luật Giáo dục đại học (GDĐH), phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật kinh tế được cập nhật vào các năm 2022, 2024. Mục tiêu chung của CTĐT năm 2024 được chi tiết hóa thành 03 mục tiêu cụ thể nhằm đạt được 04 chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức; 04 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của CTĐT.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật kinh tế đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của Triết lý giáo dục (TLGD), cơ cấu hoạt động của Trường và nhu cầu của thị trường lao động, thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan (BLQ), Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó xác định mục tiêu của CTĐT.

b) Điểm tồn tại

Trường chưa tổ chức đối sánh mục tiêu của CTĐT với các trường đại học ở nước ngoài để phân tích cập nhật những mục tiêu phù hợp với sự phát triển của Trường và

nhu cầu của nhà tuyển dụng (NTD).

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần tổ chức đối sánh mục tiêu của CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với các trường đại học có danh tiếng ở nước ngoài có CTĐT cùng lĩnh vực để tham khảo, cập nhật cải tiến mục tiêu của CTĐT.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành CĐR của CTĐT (QĐ số 499/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2021 và QĐ số 1739/QĐ-ĐHTCM ngày 08/7/2022). CĐR ngành Luật kinh tế phiên bản 2024 được xác định bao gồm 03 thành phần chính: 04 CĐR về kiến thức; 04 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp (NHTN) cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và vị trí, cơ hội việc làm. Nội dung của CĐR được xác định rõ ràng và phản ánh được mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật kinh tế.

CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế được xây dựng bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học (NH) cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR, CTĐT và hệ thống các học phần (HP) có liên hệ với nhau. Trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo. Mỗi HP đều chỉ ra được sự đóng góp vào các ma trận kỹ năng và vào việc hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể và hình thành năng lực cho NH.

b) Điểm tồn tại

Mục tiêu cụ thể của CTĐT (2024) chưa phân biệt rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Luật kinh tế theo định kỳ, Trường cần xây dựng mục tiêu cụ thể của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm để có thể đo lường đánh giá được mức đóng góp của CĐR vào HP.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng ma trận CĐR của HP và CĐR của CTĐT (QĐ số 499/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2021 và QĐ số 1743/QĐ-ĐHTCM ngày 08/7/2022) với các HP. CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các giảng viên (GV), cựu NH, các chuyên gia, NTD và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT). (Biên bản lấy ý kiến các BLQ về CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2022, 2024; Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT ngày 14/01/2022).

Sau các lần rà soát vào các năm 2022, 2024, Trường đã điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Luật kinh tế gồm 10 CĐR (04 CĐR về kiến thức; 04 CĐR về kỹ năng và 02 CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm). Các CĐR được phê duyệt và được ban hành kèm theo Quyết định ban hành CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2024 (QĐ số 1743/QĐ-ĐHTCM ngày 08/7/2022) và công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường. CĐR được công bố trong bản mô tả CTĐT, được phổ biến cho NH trong buổi gặp mặt đầu khóa học.

b) Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi của các BLQ, về mục tiêu đào tạo và về mức độ phù hợp của CĐR còn hạn chế về số lượng tham gia. Việc khảo sát lấy ý kiến của cựu NH còn hạn chế (vì năm 2024 Trường mới có khoá NH tốt nghiệp (NHTN) đầu tiên và số lượng hạn chế).

d) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa nên nghiên cứu việc đa dạng hóa các phương thức khảo sát ý kiến các BLQ để có thể mở rộng hơn được số lượng các đối tượng và phạm vi khảo sát phục vụ cho việc thu thập và tiếp nhận thêm các thông tin thiết yếu giúp ích cho việc rà soát, cập nhật CĐR phù hợp hơn với thị trường sử dụng nhân lực.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Luật kinh tế đã xác định gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng các quy định tại Luật GDĐH và được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Luật kinh tế đã được rà soát, điều chỉnh phù

hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ, Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó hoàn thiện mục tiêu đào tạo của CTĐT.

CĐR, CTĐT và hệ thống các HP có liên hệ với nhau. Trường xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR và mục tiêu đào tạo. Mỗi HP đều chỉ ra được sự đóng góp vào các ma trận kỹ năng và vào việc hình thành các kiến thức, những kỹ năng cụ thể và hình thành năng lực cho NH.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Trường chưa tổ chức đối sánh mục tiêu của CTĐT với các trường đại học ở nước ngoài để phân tích cập nhật những mục tiêu phù hợp với sự phát triển của Trường và nhu cầu của NTD.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT (2024) chưa phân biệt rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm.

Ý kiến phản hồi của các BLQ, về mục tiêu đào tạo và về mức độ phù hợp của CĐR còn hạn chế về số lượng tham gia. Việc khảo sát lấy ý kiến của cựu NH còn hạn chế (vì năm 2024 Trường mới có khoá NH tốt nghiệp đầu tiên và số lượng hạn chế).

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường cần tổ chức đối sánh mục tiêu của CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với các trường đại học có danh tiếng ở nước ngoài có CTĐT cùng lĩnh vực để tham khảo, cập nhật cải tiến CTĐT.

Trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Luật kinh tế theo định kỳ, Trường cần xây dựng mục tiêu cụ thể của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm để có thể đo lường đánh giá được mức đóng góp của CĐR vào HP.

Trường/Khoa nên nghiên cứu việc đa dạng hóa các phương thức khảo sát ý kiến các BLQ để có thể mở rộng hơn được số lượng các đối tượng và phạm vi khảo sát phục vụ cho việc thu thập và tiếp nhận thêm các thông tin thiết yếu giúp ích cho việc rà soát, cập nhật CĐR phù hợp hơn với thị trường sử dụng nhân lực.

Số tiêu chí đạt: 3/3; Số tiêu chí chưa đạt: 0/3

II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

a) Điểm mạnh

Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Trường đã ban hành CTĐT, bản mô tả CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2022 (QĐ số 1738/QĐ-ĐHTCM

ngày 08/7/2022 và QĐ số 2392/QĐ-ĐHTCM ngày 05/9/2024) có đầy đủ các nội dung theo quy định, bao gồm: tên cơ sở giáo dục (CSGD), tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo và các vị trí việc làm sau tốt nghiệp, mục tiêu, CDR của CTĐT, khối lượng kiến thức toàn khóa; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng; tiêu chí tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, điều kiện nhập học, cấu trúc chương trình dạy học (CTDH), ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR), mô tả vắn tắt nội dung các HP, đề cương học phần (ĐCHP), thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

CTĐT ngành Luật kinh tế được rà soát vào các năm 2022, 2024. Bản mô tả CTĐT đầu tiên ban hành năm 2021 gồm 120 tín chỉ, được điều chỉnh vào năm 2022 gồm 120 tín chỉ và năm 2024 gồm 122 tín chỉ. Sau 02 lần rà soát, cập nhật CTĐT năm 2024 một số môn học theo xu hướng mới được đưa vào như: Phát triển bền vững (03 tín chỉ); Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính (03 tín chỉ); Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (03 tín chỉ); Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (03 tín chỉ); Năng lực số (03 tín chỉ); Luật Doanh nghiệp (03 tín chỉ).

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và được phổ biến cho NH trong buổi gặp mặt NH đầu khóa học.

b) Điểm tồn tại

Những HP thuộc kiến thức nền tảng cơ bản của ngành Luật kinh tế, sau rà soát, cập nhật CTĐT năm 2024 đã giảm bị thời lượng và ghép một số HP ở kiến thức ngành: HP Luật Công pháp quốc tế (02 tín chỉ), HP Luật Tư pháp quốc tế (02 tín chỉ) thành môn Pháp luật quốc tế (02 tín chỉ) đưa về mục kiến thức tự chọn; HP Luật dân sự 1 (03 tín chỉ); HP Luật Dân sự 2 (03 tín chỉ) ghép lại thành HP Luật dân sự (03 tín chỉ). Ghép HP Luật Thương mại 1 (02 tín chỉ) và HP Luật Thương mại (03 tín chỉ) thành HP Luật Thương mại (03 tín chỉ)...

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Việc đưa vào một số HP mới Trường cần phải chú ý đến xây dựng, ban hành giáo trình kịp thời và cung cấp đầy đủ tài liệu tham khảo (TLTK) cho NH.

Trong các đợt rà soát, cập nhật CTĐT tiếp theo, căn cứ vào kết quả khảo sát (KQKS) nhu cầu nhân lực, Trường/Khoa cần chú trọng các HP thuộc kiến thức ngành không nên đưa vào mục HP tự chọn; cần xem xét lại thời lượng của một số môn học nền tảng, cơ bản đã bị ghép, cắt giảm. Cần rà soát lại thời lượng của các HP: Khởi nghiệp

và đổi mới sáng tạo (03 tín chỉ); Luật Sở hữu trí tuệ (03 tín chỉ); Phát triển bền vững (03 tín chỉ)... Cần đưa thêm một số môn học bổ trợ như: Tư duy phản biện; Kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý; Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng...

d) Những điểm chưa rõ : Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

a) Điểm mạnh

CTĐT ngành Luật kinh tế phiên bản năm 2022 có 120 tín chỉ, năm 2024 có 122 tín chỉ trong đó có 46 HP bắt buộc và tự chọn. 100% các HP đều có ĐCHP, được nêu cụ thể trong bản mô tả CTĐT. Các ĐCHP đã nêu được các thông tin và nội dung cấu thành theo quy định phù hợp với quy định của Trường (QĐ số 1743/QĐ-ĐHTCM ngày 08/7/2022; QĐ số 2392/QĐ-ĐHTCM ngày 05/9/2024). Các ĐCHP có các thông tin, bao gồm: tên HP; trình độ đào tạo; khoa/bộ môn phụ trách giảng dạy; số tín chỉ; tính chất HP bắt buộc hay tự chọn, mô tả vắn tắt nội dung HP; mục tiêu, các CDR về kiến thức, về kỹ năng, về mức tự chủ và trách nhiệm; nội dung/ lịch trình chi tiết phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động; ma trận liên kết nội dung các bài giảng, mục tiêu với CDR của HP; tài liệu chính, TLTK; phương pháp giảng dạy (PPGD), phương pháp học tập (PPHT), phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG).

Tất cả các ĐCHP được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo chủ trương của Ban Lãnh đạo. Trong chu kỳ đánh giá Trường có 02 lần rà soát CTĐT vào các năm 2022, 2024 (Trường đã tổ chức đối sánh CTĐT ngành Luật kinh tế với CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ (Biên bản Hội thảo lấy ý kiến các BLQ tháng 7/2022 và tháng 7/2024), Trường đã điều chỉnh một số môn của CTĐT ngành Luật kinh tế. Bản mô tả CTĐT năm 2024 đã ghi nhận có một số môn học theo xu hướng mới được đưa vào như: Phát triển bền vững (03 tín chỉ); Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính (03 tín chỉ); Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (03 tín chỉ); Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (03 tín chỉ) ; Năng lực số (03 tín chỉ); Luật Doanh nghiệp (03 tín chỉ)...

Các ĐCHP trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa Kinh tế - Luật được phổ biến cho NH vào buổi giảng đầu tiên của HP. Các BLQ như cơ quan quản lý, NTD, GV, NH có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT.

b) Điểm tồn tại

Việc phân công các GV giảng dạy ở một số HP (trong đề cương chi tiết (ĐCCT)) của CTĐT ngành Luật kinh tế chưa nêu cụ thể được tên, học vị, chuyên môn được đào tạo của GV như: HP Luật đất đai và kinh doanh bất động sản; HP Luật Dân sự 2; HP Luật đầu tư (chỉ ghi chung khoa, bộ môn phụ trách HP).

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần rà soát lại việc phân công GV phụ trách các HP, cần nêu đầy đủ các thông tin của GV phụ trách giảng dạy trong ĐCCT đã được phê duyệt theo quy định.

d) Những điểm chưa rõ : Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

a) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Luật kinh tế được công bố công khai bằng nhiều hình thức: công bố trên trang thông tin điện tử của Trường <https://ufm.edu.vn> và của Khoa Kinh tế - Luật: <https://khoakinhteluat.ufm.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-nganh-luat-kinh-te> được phổ biến cho NH trong buổi gặp mặt đầu khóa (các thông tin cơ bản: CDR, cấu trúc khóa học, nội dung, PPGD, phương pháp KTĐG và hoạt động đào tạo, thời gian đào tạo).

Bản mô tả CTĐT ngành Luật kinh tế và các ĐCHP qua các lần điều chỉnh được quản lý tại Phòng Quản lý đào tạo (QLĐT) và Khoa Kinh tế - Luật. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau tới các BLQ (cơ quan quản lý, NTD, GV, NH, cựu NH) có thể tiếp cận và tra cứu.

Qua phỏng vấn trực tiếp cán bộ phụ trách chuyên môn và NH cho thấy trong buổi học đầu tiên, NH đều được GV phổ biến, hướng dẫn và cung cấp ĐCHP để NH tiếp cận và xây dựng kế hoạch học tập. ĐCHP được cung cấp tới từng NH, thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường (UIS).

b) Điểm tồn tại

ĐCHP được cung cấp tới từng cá nhân có tài khoản đăng nhập vào hệ thống phần mềm quản lý học tập của Trường, nên các BLQ ngoài Trường khó tiếp cận và tra cứu nếu không có mật khẩu để truy nhập.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường nên công bố công khai ĐCHP của CTĐT ngành Luật kinh tế trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa, để các BLQ ngoài Trường, không cần mặt khẩu đều có thể dễ dàng tiếp cận để tìm hiểu, tra cứu.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Căn cứ vào các quy định của Bộ GD&ĐT Trường đã ban hành Mục tiêu CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2024 có đầy đủ các nội dung theo quy định. CTĐT ngành Luật kinh tế được rà soát vào năm 2022 và 2024 đã ghi nhận những điều chỉnh về thời lượng một số HP, lược bỏ một số HP so với CTĐT năm 2021 và năm 2022.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Bản mô tả CTĐT được phổ biến cho NH trong buổi gặp mặt NH đầu khoá học.

CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2024 có tất cả 122 tín chỉ với 46 HP. 100% các HP đều có ĐCCT được nêu cụ thể trong bản mô tả CTĐT với đầy đủ nội dung cấu thành theo quy định. Tất cả các ĐCHP được rà soát, điều chỉnh. Thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ, Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó điều chỉnh thời lượng một số môn của CTĐT ngành Luật kinh tế.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Những HP thuộc kiến thức nền tảng cơ bản của ngành Luật kinh tế, sau rà soát, cập nhật CTĐT năm 2024 đã bị giảm thời lượng và ghép một số HP ở kiến thức ngành: HP Luật Công pháp quốc tế (02 tín chỉ), HP Tư pháp quốc tế (02 tín chỉ) thành HP Pháp luật quốc tế (02 tín chỉ) đưa về mục kiến thức tự chọn; HP Luật dân sự 1 (03 tín chỉ); HP Luật Dân sự 2 (03 tín chỉ) ghép lại thành HP Luật dân sự (03 tín chỉ). Ghép HP Luật Thương mại 1 (02 tín chỉ) và HP Luật Thương mại (03 tín chỉ) thành HP Luật Thương mại (03 tín chỉ)...

Việc phân công các GV giảng dạy ở một số HP (trong ĐCCT) của CTĐT ngành Luật kinh tế chưa nêu cụ thể được tên, học vị, chuyên môn được đào tạo của GV như: HP Luật đất đai và kinh doanh bất động sản; HP Luật Dân sự 2; HP Luật đầu tư (chỉ ghi chung khoa, bộ môn phụ trách HP).

ĐCHP được cung cấp tới từng cá nhân có tài khoản đăng nhập vào hệ thống phần

mềm quản lý học tập của Trường, nên các BLQ ngoài Trường khó tiếp cận và tra cứu nếu không có mật khẩu để truy nhập.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Việc đưa vào một số môn học mới Trường cần phải chú ý đến xây dựng, ban hành giáo trình kịp thời và cung cấp đầy đủ TLTK cho NH.

Trong các đợt rà soát, cập nhật CTĐT tiếp theo, căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực, Trường/Khoa Kinh tế - Luật cần chú trọng các HP thuộc kiến thức ngành không nên đưa vào mục HP tự chọn; cần xem xét lại thời lượng của một số môn học nền tảng, cơ bản đã bị ghép, cắt giảm. Cần rà soát lại thời lượng của các HP: Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (03 tín chỉ); Luật Sở hữu trí tuệ (03 tín chỉ); Phát triển bền vững (03 tín chỉ)... Cần đưa thêm một số môn học bổ trợ như: Tư duy phản biện; Kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý; Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng...

Trường cần rà soát lại việc phân công GV phụ trách các HP, cần nêu đầy đủ các thông tin của GV phụ trách giảng dạy trong ĐCCT đã được phê duyệt theo quy định.

Trường nên công bố công khai ĐCHP của CTĐT ngành Luật kinh tế trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa, để các BLQ ngoài Trường, không cần mật khẩu đều có thể dễ dàng tiếp cận để tìm hiểu, tra cứu.

Số tiêu chí đạt: 3/3; Số tiêu chí chưa đạt: 0/3

III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

1. Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

a) Điểm mạnh

CTDH thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng và các nội dung khác theo quy định. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trường có kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ (Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến cơ quan, doanh nghiệp, NTD 2018/KH-ĐHTCM ngày 18/9/2023; khảo sát lấy ý kiến cơ quan, doanh nghiệp, NTD 3347/KH-ĐHTCM-TS-QHDN ngày 11/11/2024). Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó hoàn thiện mục tiêu đào tạo của CTĐT.

Cấu trúc của CTDH ngành Luật kinh tế phiên bản 2024 có khối lượng kiến thức toàn khoá 122 tín chỉ bao gồm: 32 tín chỉ khối kiến thức đại cương (tỉ lệ 26%); 84 tín chỉ kiến giáo dục chuyên nghiệp (tỉ lệ 69%); 06 tín chỉ kiến thức bổ trợ và tự chọn (5%) và 06 tín chỉ khoá luận tốt nghiệp hoặc HP thay thế (5%).

Trường sử dụng phương pháp đánh giá kết quả học tập (KQHT) của NH theo quá trình: các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỉ lệ đánh giá tương quan với CĐR các môn học (đánh giá quá trình tỉ trọng 40%; thi kết thúc HP 60% (Bản mô tả ĐCHP của CTĐT năm 2024)). Thi kết thúc HP đang áp dụng hình thức chủ yếu là tự luận và tiểu luận.

ĐCHP chỉ ra mỗi phương pháp đánh giá, mỗi hình thức KTĐG HP hướng đến đạt được CĐR cho NH.

CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng HP với CĐR của CTĐT. Các HP có mục tiêu HP, CĐR của HP; các nội dung của từng HP đều chỉ ra đáp ứng CĐR của HP. Khi hoàn thiện, cải tiến CTDH ngành Luật kinh tế. Trường đã lấy ý kiến của các BLQ về việc sửa đổi CĐR và CTĐT (Bản tổng hợp kết quả khảo sát mục tiêu CĐR đối với các BLQ).

b) Điểm tồn tại

Kết quả Đoàn ĐGN phỏng vấn trực tiếp các NTD và cựu NH tại thời điểm khảo sát chính thức cho thấy, mức độ NHTN ngành Luật kinh tế trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của công việc. Tuy nhiên kiến thức nền tảng của NH chưa chuyên sâu, còn thiếu tự tin và chưa chủ động trong việc đề xuất ý kiến với lãnh đạo, kỹ năng soạn thảo văn bản và tra cứu văn bản pháp luật còn hạn chế.

Việc đến thực tập chủ yếu là do các NH tự liên hệ, đối với NH ngành Luật kinh tế, việc tự liên hệ để tham dự các phiên tòa trong thực tế là khó khăn.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần lưu ý đến việc bố trí tăng thời lượng các môn học kiến thức nền tảng của NH, để NH nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu của ngành luật để giúp họ tự tin trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn công việc.

Trường cần tổ chức liên hệ với các tòa án để giới thiệu NH đến tham dự các phiên tòa, giúp họ hiểu được việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn xét xử của tòa án.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

a) Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTĐT ngành Luật kinh tế các phiên bản 2021, 2022, 2024 đều có ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của mỗi HP đáp ứng một hoặc một số CĐR

của CTĐT ở các các nhóm kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm (QĐ số 499/QĐ-ĐHTCM ngày 19/3/2021, QĐ số 1738/QĐ-ĐHTCM ngày 08/7/2022, QĐ số 2392/QĐ-ĐHTCM ngày 05/9/2024). Các ĐCCT HP qua các năm đều có ma trận thể hiện quan hệ từng CĐR HP đóng góp vào các CĐR của CTĐT.

Các HP đều xác định rõ các PPGD, Trường sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH theo quá trình. Các tiêu chí đánh giá và tỉ lệ đánh giá tương quan với CĐR các môn học: đánh giá điểm quá trình 40% và đánh giá cuối kỳ 60%, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau để đảm bảo đạt được CĐR. Với từng HP, có quy định về tổ hợp các PPGD, phương pháp học. Trong từng bài giảng/chương đều có quy định rõ tổ hợp các PPGD và phương thức NH học tập. Các PPGD, học tập gồm: Phương pháp thuyết giảng, thảo luận nhóm, tình huống; tham dự phiên tòa; phương pháp thực hành tại phòng xử án mô phỏng; phương pháp thực hành tại doanh nghiệp và tự học.... Các phương pháp KTĐG đối với đánh giá quá trình gồm: chuyên cần; bài tập/thảo luận nhóm; kiểm tra..; Các phương pháp KTĐG đối với đánh giá cuối kỳ gồm: tự luận; trắc nghiệm; thực hành; tiểu luận; vấn đáp; bài thi kết hợp; thực hành nghề nghiệp; khóa luận tốt nghiệp; thực tập tốt nghiệp (TTTTN) gồm. Với mỗi loại hình KTĐG đều xác định đóng góp vào việc đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR nào của HP (ĐCCT HP 2021, 2022, 2024).

Trong quá trình rà soát và cập nhật CTĐT, Trường đã tổ chức lấy ý kiến các BLQ để góp ý về CĐR, mục tiêu, khung chương trình (Kế hoạch số 1146/KH-ĐHTCM ngày 26/4/2024). Các ý kiến góp ý được Khoa tổng hợp, phân tích để đưa vào nội dung rà soát và cập nhật CTĐT, ĐCCT HP (Biên bản họp ngày 14/01/2022, Biên bản họp ngày 10/5/2024, Biên bản họp ngày 01/6/2024).

b) Điểm tồn tại

Trong CTĐT các phiên bản 2021, 2022 và 2024 số HP phân nhiệm cho một số CĐR chưa phù hợp, một số CĐR có nhiều môn đảm nhiệm trong khi một số CĐR lại có rất ít môn đảm nhiệm: Ví dụ: CTĐT phiên bản 2021: CĐR PLO12 chỉ có 01 HP đảm nhiệm; CĐR PLO11 có 02 HP đảm nhiệm; CĐR PLO15 chỉ có 02 HP đảm nhiệm; CĐR PLO1 có 11 HP đảm nhiệm. CĐR PLO1 có 19 HP đảm nhiệm; PLO10 có 24 HP đảm nhiệm... Phiên bản 2024: CĐR PLO2 có 01 HP đảm nhiệm; PLO9 có đến 31 HP đảm nhiệm; PLO8 có 22 HP đảm nhiệm; CĐR PLO6 có 01 HP đảm nhiệm...

CĐR một số HP trong CTĐT phiên bản 2022 quá nhiều trên 10 CĐR cho mỗi HP là không phù hợp. Ví dụ: HP Luật Kinh doanh bảo hiểm 11 CĐR; HP Pháp luật về công

chúng, chúng thực 12 CDR; HP Pháp luật về thuế 12 CDR; HP Luật cạnh tranh 10 CDR. Một số phương pháp đánh giá trong CTĐT xác định mức đáp ứng CDR chưa phù hợp. Ví dụ phiên bản năm 2024, phương pháp đánh giá thực hành chỉ đáp ứng PLO10 (Mức độ tự chủ) trong khi thực hành cần đánh giá rất nhiều kỹ năng....

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần đánh giá và xác định mức độ đáp ứng của tất cả HP trong CTĐT và đảm bảo đúng trình tự, có quy trình và căn cứ phù hợp nhằm đảm bảo khách quan và cần lấy ý kiến góp ý các BLQ.

Khoa/Bộ môn rà soát lại tất cả các ĐCHP sao cho phù hợp giữa CDR HP với CDR của CTĐT; rà soát và điều chỉnh lại các ma trận và hình thức thi kết thúc HP cho phù hợp.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

3. Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

a) Điểm mạnh

ĐCCT các HP xác nhận điều kiện để NH từng môn để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP. Kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở khối ngành được bố trí giảng dạy trong năm đầu. Các kiến thức ngành và chuyên ngành được giảng dạy vào năm sau. Việc thiết kế và kế hoạch đào tạo như vậy là hợp lý và logic.

CTDH ngành Luật kinh tế được rà soát định kỳ (2022 và 2024) và được công bố công khai cùng CTĐT. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng các hình thức: trên cổng thông tin điện tử của Trường và được cán bộ quản lý lớp phổ biến cho NH trong buổi gặp đầu khoá học (Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên) và Sổ tay sinh viên.

Tất cả các ĐCHP được định kỳ rà soát vào các năm 2022 và 2023 (Biên bản họp Hội đồng KH&ĐT). Trường đã tham khảo CTĐT với các trường đại học trong nước: Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó điều chỉnh thời lượng một số HP của CTĐT.

b) Điểm tồn tại

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT với CTĐT của một số trường trong nước, chủ yếu là đối sánh về các môn học và thời lượng của môn học, chưa chú trọng đến đối sánh mục tiêu, CDR, chưa có đối sánh chi tiết nội dung và PPGD, phương pháp KTĐG của

các trường để có rút ra PPGD, phương pháp KTĐG phù hợp nhất, chưa tham khảo CTĐT với các trường của nước ngoài.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi tham khảo và đối sánh giữa CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với CTĐT ngành Luật của các CSGD đại học khác trong và ngoài nước, Khoa cần nghiên cứu đối sánh chi tiết nội dung và PPGD, phương pháp KTĐG của các trường để có rút ra PPGD, phương pháp KTĐG phù hợp nhất.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

CTDH thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng và các nội dung khác theo quy định. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trường có kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH thông qua việc lấy ý kiến của các BLQ, Trường đã nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, từ đó hoàn thiện mục tiêu đào tạo của CTĐT.

Trường sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH theo quá trình: các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá và tỉ lệ đánh giá tương quan với CĐR các HP. ĐCHP chỉ ra mỗi phương pháp đánh giá, mỗi hình thức KTĐG HP hướng đến đạt được CĐR cho NH.

CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng HP với CĐR của CTĐT. Các HP đều xác định rõ các PPGD, phương pháp KTĐG, quy định về tham dự lớp học của NH. Trường sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH theo quá trình. Các tiêu chí đánh giá và tỉ lệ đánh giá tương quan với CĐR các HP.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá mức độ đạt được CĐR của HP và định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đạt được CĐR của HP.

Trong CTĐT các phiên bản 2021, 2022 và 2024 số HP phân nhiệm cho một số CĐR chưa phù hợp, một số CĐR có nhiều môn đảm nhiệm trong khi một số CĐR lại có rất ít môn đảm nhiệm. CĐR ra một số HP trong CTĐT phiên bản 2022 có trên 10 CĐR là không phù hợp. Ma trận kỹ năng trong CTĐT và trong ĐCCT HP của một số HP còn sai lệch về mức đáp ứng CĐR ảnh hưởng đến việc giảng dạy và KTĐG... Một số phương

pháp đánh giá trong CTĐT xác định mức đáp ứng CĐR chưa phù hợp.

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT với CTĐT của một số trường trong nước, chủ yếu là đối sánh về các môn học và thời lượng của môn học, chưa chú trọng đến đối sánh mục tiêu, CĐR, chưa có đối sánh chi tiết nội dung và PPGD, phương pháp KTĐG của các trường để có rút ra PPGD, phương pháp KTĐG phù hợp nhất, chưa tham khảo CTĐT với các trường của nước ngoài.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường cần đánh giá và xác định mức độ đáp ứng của tất cả HP trong CTĐT và đảm bảo đúng trình tự, có quy trình và căn cứ phù hợp nhằm đảm bảo khách quan và cần lấy ý kiến góp ý các BLQ.

Trường cần ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá mức độ đạt được CĐR của HP. Khoa/Bộ môn rà soát lại tất cả các ĐCHP sao cho phù hợp giữa CĐR HP với CĐR của CTĐT; rà soát và điều chỉnh lại các ma trận và hình thức thi kết thúc HP cho phù hợp.

Trường cần điều chỉnh mức đóng góp của các CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm phù hợp với mục tiêu của CTĐT theo định hướng ứng dụng

Khi tham khảo và đối sánh giữa CTĐT ngành Luật kinh tế của Trường với CTĐT ngành Luật của các CSGD đại học khác trong và ngoài nước, Khoa cần nghiên cứu đối sánh chi tiết nội dung và PPGD, phương pháp KTĐG của các trường để có rút ra PPGD, phương pháp KTĐG phù hợp nhất.

Số tiêu chí đạt: 2/3; Số tiêu chí chưa đạt: 1/3 (Tiêu chí 3.2)

IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

1. Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

a) Điểm mạnh

Triết lý giáo dục (TLGD) của Trường “Thực chất - Đổi mới sáng tạo - Hội nhập” được ban hành theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 17/10/2022, đây là định hướng giáo dục căn bản để xây dựng mục tiêu giáo dục của Trường. TLGD được triển khai trong Chiến lược phát triển (CLPT) của Trường giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045. TLGD phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

TLGD là căn cứ để các Khoa xây dựng các kế hoạch hành động và phổ biến TLGD đến GV và NH.

TLGD của Trường được phổ biến tới toàn bộ GV, cán bộ, người lao động của

Trường thông qua các hình thức khác nhau, trên trang thông tin điện tử của Trường và được phổ biến đến NH thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, các tài liệu truyền thông, Sổ tay sinh viên và NH đều có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin về TLGD và nắm được TLGD của Trường.

b) Điểm tồn tại

TLGD của Trường ban hành năm 2022 nhưng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai TLGD vào hoạt động dạy và học.

TLGD chưa được Trường tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các BLQ bên ngoài.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

TLGD là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học (PPDH), vai trò của GV và NH trong hoạt động giáo dục nên Trường cần ban văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai TLGD vào hoạt động dạy và học.

TLGD cần có sự đóng góp ý kiến rộng rãi của các BLQ bên ngoài.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2021 và được rà soát, cập nhật vào năm 2022 và 2024. Các HP đã xây dựng hoạt động dạy học với các PPGD đa dạng để giúp NH đạt được CĐR của HP và CĐR CTĐT. Các PPGD được mô tả rõ trong các ĐCHP của CTĐT bao gồm: thuyết giảng, thảo luận nhóm trên lớp, tiểu luận, phiên toà giả định và học tập thông qua trải nghiệm thực tế, hỏi đáp những vấn đề NH đặt ra.

Việc áp dụng, lựa chọn PPGD được xác định cụ thể trong các ĐCHP, phù hợp với CĐR của từng HP và hồ sơ giảng dạy của các GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành Luật kinh tế. GV hướng dẫn NH theo nhóm, dạy học dựa theo vấn đề, phương pháp đóng vai (Phiên toà giả định), tự nghiên cứu tài liệu do GV giới thiệu để NH chủ động nghiên cứu, tìm tòi tiếp thu nâng cao kiến thức.

Qua phỏng vấn trực tiếp các cựu NH và NH cho thấy, họ hài lòng về PPGD, KTĐG của các GV.

b) Điểm tồn tại

Qua phỏng vấn các GV cho thấy, các GV đa số không hiểu rõ về TLGD và tầm quan trọng của TLGD trong hoạt động giảng dạy và học tập.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền về TLGD của Trường để các GV hiểu rõ, truyền tải nội dung TLGD vào trong các bài giảng và giải đáp những vấn đề NH đặt ra

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

a) Điểm mạnh

CTĐT ngành Luật kinh tế năm 2024 gồm 46 HP với 122 tín chỉ, tất cả các ĐCHP đã mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và PPHT, phương pháp KTĐG nhằm thúc đẩy NH rèn luyện được các kỹ năng thiết yếu thúc đẩy khả năng học tập suốt đời của NH. Các PPHT bao gồm: học trên lớp, tự nghiên cứu, học theo tình huống, thực tập, trải nghiệm thực tế.

Tất cả các ĐCHP đều có nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH. Tất cả các ĐCHP của CTĐT đều ghi rõ nhiệm vụ của NH (nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị trước bài học và chủ động tổ chức thực hiện giờ học; tham dự kiểm tra định kỳ và thi kết thúc HP).

GV sử dụng các PPGD đa dạng, theo sát ĐCHP giúp NH đạt được CĐR: thảo luận nhóm trên lớp, thuyết giảng, Dạy học dựa trên vấn đề; Phương pháp đóng vai (Phiên toà giả định), trải nghiệm thực tế, hỏi đáp những vấn đề NH đặt ra.

b) Điểm tồn tại

Trường chưa tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPGD, học tập được ghi trong ĐCHP để đúc kết những điểm mạnh, những hạn chế làm cơ sở để đổi mới các hoạt động giảng dạy và học tập.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường nên định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPGD, PPHT được ghi trong ĐCHP để đúc kết những điểm mạnh, hạn chế làm cơ sở để đổi mới các hoạt động giảng dạy và học tập.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

TLGD của Trường “Thực chất - Đổi mới sáng tạo - Hội nhập” được ban hành theo định hướng giáo dục căn bản, là căn cứ để Trường xây dựng mục tiêu trong các hoạt động đào tạo, giáo dục của Trường. TLGD phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

TLGD của Trường được phổ biến tới toàn bộ GV, cán bộ, người lao động của Trường thông qua các hình thức khác nhau, trên website của Trường và được phổ biến đến NH trong Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học và các tài liệu truyền thông chính thống của Trường.

Các môn học của CTĐT ngành Luật kinh tế được xây dựng hoạt động dạy học với các PPGD đa dạng để giúp NH đạt được CDR của HP và CDR CTĐT. Việc áp dụng, lựa chọn PPGD được xác định cụ thể trong các ĐCHP, phù hợp với CDR của từng HP và hồ sơ giảng dạy của các GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành Luật kinh tế. GV hướng dẫn NH làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu tài liệu do GV giới thiệu để NH chủ động nghiên cứu, tìm tòi tiếp thu nâng cao kiến thức.

Tất cả các ĐCHP đều có nhấn mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH. Tất cả các ĐCHP của CTĐT đều ghi rõ nhiệm vụ của NH, GV sử dụng các PPGD đa dạng, theo sát ĐCHP giúp NH đạt được CDR.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai TLGD vào hoạt động dạy và học.

Qua phỏng vấn các GV cho thấy, đa số các GV không hiểu rõ về TLGD và tầm quan trọng của TLGD trong hoạt động giảng dạy và học tập.

Trường chưa tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPGD, học tập được ghi trong ĐCHP để đúc kết những điểm mạnh, những hạn chế làm cơ sở để đổi mới các hoạt động giảng dạy và học tập.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

TLGD là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và PPDH, vai trò của GV và NH trong hoạt động giáo dục, nên Trường cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai TLGD vào hoạt động dạy và học.

Trường cần đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền về TLGD của Trường để các GV hiểu rõ, truyền tải nội dung TLGD vào trong các bài giảng và giải đáp những vấn đề NH đặt ra.

Trường nên định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPGD, PPHT được ghi trong ĐCHP để đúc kết những điểm mạnh, hạn chế làm cơ sở để đổi mới các hoạt động giảng dạy và học tập.

Số tiêu chí đạt: 3/3; Số tiêu chí chưa đạt: 0/3

V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

1. Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

a) Điểm mạnh

Trường có hệ thống các văn bản quy định về việc đánh giá kết quả của NH từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp. Các văn bản này bao gồm: Quy định về đào tạo đại học trình độ đại học theo học chế tín chỉ (QĐ số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021; QĐ số 717/QĐ ngày 14/3/2022); Quy định về tổ chức thi học phần và quy trình tổ chức thi (QĐ số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022); Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện (QĐ số 2438/QĐ-ĐHTCM ngày 25/9/2023)... Các văn bản này thể hiện quy trình, kế hoạch, phương pháp đánh giá, KQHT và công khai, phổ biến cho NH, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Bản mô tả CTĐT các phiên bản (2021, 2022, 2024) và bộ ĐCCT các HP của CTĐT các phiên bản cũng đề cập cụ thể, rõ ràng kế hoạch và cách thức đánh giá KQHT của NH đối với các HP trong CTĐT thông qua điểm quá trình và điểm thi kết thúc HP. Trong các phiên bản CTĐT đều có ma trận thể hiện mối liên hệ giữa PP KTĐG và CĐR CTĐT.

Căn cứ vào kế hoạch học tập của CTĐT, các đề thi do GV đề xuất được Phụ trách Bộ môn phê duyệt nộp về Phòng QLĐT của Trường. Các đề thi có đáp án, thang điểm rõ ràng. Căn cứ vào Quy định tổ chức thi và chấm thi kết thúc HP, Khoa xây dựng các tiêu chí đánh giá cho mỗi HP theo mẫu quy định đã nêu trong ĐCHP để đo lường mức độ đạt CĐR của NH.

Trường đã sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học (lý thuyết, thực hành, bài tập nhóm, thực tập tốt nghiệp). Đề cương từng HP ghi rõ điểm quá trình, điểm thi cuối kỳ góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của HP và CĐR của CTĐT.

Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định rõ ràng (Quy định về đánh giá chuyên cần đối với sinh viên theo học chế tín chỉ ban hành theo QĐ số 2438/QĐ-ĐHTCM ngày 25/9/2023).

b) Điểm tồn tại

CĐR của chưa có các chỉ số thực hiện (Pls) nên việc đánh giá mức độ đóng góp của từng HP hoặc thực hiện đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR của từng HP để khẳng định sự phù hợp và hỗ trợ lẫn nhau giúp đạt được CĐR của CTĐT chưa đủ cơ sở. Một số HP trong CTĐT, ma trận kỹ năng giữa các HP và CĐR khi chuyển vào ĐCCT HP chưa thật chính xác ảnh hưởng đến quá trình KTĐG. Ví dụ: HP Luật Đầu tư trong CTĐT năm 2024 thì đáp ứng PLO3 (A), PLO8 (M), PLO9 (M) nhưng trong ĐCCT HP năm 2024 thì đáp ứng PLO1 (R), PLO2 (R), PLO3 (A), PLO7 (M), PLO9 (R), các lỗi tương tự cho một số HP khác như HP Luật dân sự, HP Kinh tế học...

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tách CĐR CTĐT thành các chỉ số thực hiện (Pls) rõ ràng và chi tiết hơn để dễ dàng thực hiện đo lường mức độ đạt CĐR của HP và CTĐT. Cần rà soát lại mức độ tương thích giữa CĐR của CTĐT với các HP (ma trận kỹ năng) và CĐR CTĐT trong ĐCCT HP nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất giúp việc đánh giá KQHT được hiệu quả và đáp ứng CĐR.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành các văn bản để hướng dẫn, quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi từ khi NH vào Trường đến khi tốt nghiệp. Quy định về đào tạo đại học trình độ đại học theo học chế tín chỉ (QĐ số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021; QĐ số 717/QĐ ngày 14/3/2022); Quy định về tổ chức thi học phần và quy trình tổ chức thi (QĐ số 1917/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022); Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện (QĐ số 2438/QĐ-ĐHTCM ngày 25/9/2023). Các quy định về phương thức đánh giá kết thúc HP, HP thực

hành, thực tập; quy định số lượng điểm thành phần, trọng số của điểm quá trình, điểm thi được nêu rõ trong ĐCHP (Đánh giá quá trình 40 %; đánh giá kết thúc HP 60%).

NH được cung cấp thông tin về kế hoạch tổ chức đánh giá cuối kỳ vào buổi sinh hoạt đầu khóa, trong buổi học đầu tiên. Ngoài ra, các quy định về thi kết thúc HP được trình bày trong Sổ tay sinh viên đăng trên website của Trường.

Các vấn đề cần giải quyết liên quan trực tiếp đến NH như phúc khảo bài thi, sai sót về điểm số trong đào tạo được quy định tại Quy định đào tạo đại học theo học chế tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần.

Hệ thống văn bản của Trường quy định về đánh giá KQHT của NH được thông báo công khai đến NH trên trang thông tin điện tử của Trường, tới NH ngay tại tuần sinh hoạt đầu khóa, Sổ tay sinh viên và cổng thông tin điện tử của Trường. Ngoài ra, GV công bố phương pháp KTĐG trong ĐCCT HP tại buổi đầu tiên gặp NH trên lớp.

b) Điểm tồn tại

Các quy định/hướng dẫn về đánh giá KQHT đang phân bố ở nhiều văn bản khác nhau, rất khó để NH truy cập và tìm hiểu khi cần. Cụ thể trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện nay đã qua nhiều lần cập nhật và bổ sung chưa được hợp nhất (QĐ số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/6/2017, QĐ số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021, QĐ số 717/QĐ-ĐHTCM ngày 14/03/2022) nhưng các điều khoản không bổ sung thì vẫn nằm rải rác ở các văn bản cũ.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần rà soát, cập nhật và ban hành mới văn bản liên quan đến KTĐG KQHT thành một văn bản hướng dẫn chung và phổ biến rộng rãi đến NH giúp họ dễ dàng tiếp cận, hiểu và thực hiện đúng các quy định.

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

a) Điểm mạnh

Các phương pháp KTĐG đối với các HP trong CTĐT đa dạng, được quy định rõ trong Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP các phiên bản 2021, 2022, 2024. Bản mô tả CTĐT có ma trận quan hệ giữa phương pháp KTĐG và CĐR, ma trận HP và CĐR CTĐT. Các phương pháp KTĐG được Khoa và các GV lựa chọn kết hợp các phương pháp để hướng tới việc đo lường CĐR HP và CĐR CTĐT. Một số HP trong CTĐT đã

xây dựng và áp dụng ngân hàng câu hỏi để tạo đề thi với số lượng câu hỏi tương đối lớn, khoảng trên 150 câu/tín chỉ.

Công tác thi được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng theo tiến độ thời gian quy định. Đề thi được Trường bộ môn phân công GV biên soạn, trình Trường khoa phê duyệt, lãnh đạo bộ môn phê duyệt và niêm phong và nộp đề về Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng (KT&QLCL) chậm nhất 07 ngày trước ngày bắt đầu thi (Theo Điều 13 QĐ số 3447/QĐ-ĐHTCM). Qua kiểm tra ngẫu nhiên một túi bài thi của một số HP (Luật dân sự; Luật Tài chính; Luật hình sự và Hành chính) cho thấy các đề thi đều có đáp án rõ ràng có thể đo lường mức đáp ứng CĐR của HP. Công tác tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả thi được Trường tổ chức đúng quy định.

KQKS NH cho thấy 90% hài lòng về tiêu chí “GV khách quan, công bằng trong đánh giá KQHT”; GV sử dụng nhiều hình thức KTĐG; các bài tập và bài KTĐG đúng mục tiêu (Báo cáo tháng 5/2023, Báo cáo số 06/BC-KTQLCL ngày 20/6/2024; Báo cáo số 2982/BC-KTQLCL ngày 10/10/2024, Báo cáo số 434/BC-KTQLCL ngày 14/02/2025).

b) Điểm tồn tại

Trường chưa ban hành Quy định/Hướng dẫn về phân tích độ tin cậy, độ giá trị của đề thi, và chưa tổ chức phân tích độ giá trị, độ tin cậy đề thi.

Do quy định về đo lường mức đạt CĐR CTĐT của NH mới được ban hành (QĐ số 814/QĐ-ĐHTCM ngày 20/3/2025) nên Khoa chưa thực hiện đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và của CTĐT ngành Luật kinh tế.

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về việc sử dụng hiệu quả các tổ hợp phương pháp KTĐG, hoạt động phân tích KQHT của NH và công tác đo lường, đánh giá HP của GV và bộ môn.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Xây dựng quy định/hướng dẫn chi tiết cho hoạt động thực hiện phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi/ bài thi. Thực hiện đo lường và phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi/ bài thi để cho thấy được mối tương quan và khác biệt kết quả đánh giá so với mức độ NH đạt được CĐR.

Thực hiện việc đo lường và giám sát mức mức độ NH đạt được CĐR của HP và của CTĐT.

Định kỳ thực hiện sơ kết, tổng kết về việc sử dụng hiệu quả các tổ hợp phương

pháp KTĐG, hoạt động phân tích KQHT của NH và công tác đo lường, đánh giá HP của GV và bộ môn; xây dựng cơ chế theo dõi, việc sử dụng kết quả đánh giá phân tích đề thi/câu hỏi thi để cải tiến.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

4. Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

a) Điểm mạnh

Việc phản hồi kết quả thi được thực hiện theo Quy định quy định tổ chức thi kết thúc học phần (QĐ số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022).

Các quy định về việc KQĐG NH được công bố rõ ràng, đúng thời gian quy định đến NH, GV và cố vấn học tập (CVHT) để thực hiện và kiểm tra giám sát, thông qua các quy định được gửi tới khoa/bộ môn, các đơn vị chức năng theo hệ thống văn thư của Trường. Các quy định này được công khai tới NH ngay trong Tuần sinh hoạt đầu khóa, Sổ tay sinh viên và trên cổng thông tin điện tử của Trường/Khoa đảm bảo NH dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Phòng KT&QLCL là đơn vị chịu trách nhiệm về việc công bố điểm đúng thời hạn. Tất cả NH đều có tài khoản để xem điểm trên cổng thông tin trực tuyến: <http://uis.ufm.edu.vn/>.

Thông tin phản hồi về kết quả được sử dụng để giúp NH theo dõi, cải thiện việc học tập và CVHT tư vấn học tập cho NH khi cần dựa trên kết quả danh sách NH bị cảnh báo học vụ hàng năm.

b) Điểm tồn tại

Trường chưa tổ chức nhiều hoạt động đánh giá việc sử dụng thông tin phản hồi kết quả đánh giá (KQĐG) để cải thiện việc học tập cho NH.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần tổ chức đánh giá, giám sát việc sử dụng thông tin phản hồi KQĐG để cải thiện việc học tập cho NH.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

a) Điểm mạnh

NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa

học thông qua Tuần sinh hoạt đầu khóa, Sổ tay sinh viên, và được đăng trên cổng thông tin điện tử của Trường. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy của từng HP, GV đều phổ biến đến NH với đầy đủ các nội dung trên, thông qua các buổi sinh hoạt chủ nhiệm lớp.

Công tác phúc khảo kết quả thi được thực hiện theo Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần (QĐ số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 14/3/2022) theo Khoản 2 Điều 42 gồm 05 bước: đăng ký, thông báo chấm phúc khảo, thực hiện chấm phúc khảo, lập biên bản chấm phúc khảo, nhập điểm và công bố cho NH. Kết quả chấm phúc khảo được công bố trên cổng thông tin của Trường chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận đơn.

Phòng KT&QLCL tiếp nhận và thống kê số lượng NH khiếu nại KQHT (Phiếu giải quyết yêu cầu). Trong chu kỳ đánh giá, số lượng NH đăng ký phúc khảo ít, việc khiếu nại về KQHT được xử lý thỏa đáng cho NH, giải quyết kịp thời và lưu thông tin xử lý tại Phòng KT&QLCL (Sổ điều chỉnh điểm). KQKS mức độ hài lòng của NH cho thấy trên 90% NH hài lòng về quy trình giải quyết những khó khăn, thắc mắc của NH rõ ràng và kịp thời (Báo cáo số 292/BC-KTQLCL, ngày 21/01/2025; Báo cáo số 2755/BC-KTQLCL ngày 30/11/2023).

b) Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ tổ chức KTĐG về công tác tổ chức thi và chấm thi, chấm phúc khảo và công bố kết quả thi.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần định kỳ tổ chức KTĐG về công tác tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả thi đảm bảo đúng thời gian quy định, bảo đảm quyền lợi cho NH và tăng mức độ hài lòng của NH với các phương thức KTĐG KQHT.

d) Những điểm chưa rõ : Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường có hệ thống các văn bản quy định về việc đánh giá KQHT của NH từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp ra Trường. Các văn bản này thể hiện quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả NH và được phổ biến, công khai cho NH, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường. NH có thể tra cứu được các văn bản trên từ tài khoản cá nhân của mình. Có thể tra cứu điểm thi trên phần mềm QLĐT do Phòng QLĐT quản lý.

Trường đã sử dụng phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học, đề

cương từng HP ghi rõ điểm quá trình, điểm thi cuối kỳ góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của HP và CĐR của CTĐT.

Trường đã sử dụng các phương pháp đánh giá, tùy theo đặc điểm của môn học (lý thuyết, thực hành, tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân). Đề cương từng HP ghi rõ tỉ trọng điểm, quá trình (40%), điểm thi kết thúc HP (60%) góp phần đánh giá CĐR đã được xác định của HP và CĐR của CTĐT.

Hàng năm trong buổi gặp mặt đầu khoá học NH được phổ biến đầy đủ các quy định về đào tạo, về phương pháp KTĐG, quy trình về khiếu nại KQHT.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

CĐR của chưa có các chỉ số thực hiện (Pls) nên việc đánh giá mức độ đóng góp của từng HP hoặc thực hiện đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR của từng HP để khẳng định sự phù hợp và hỗ trợ lẫn nhau giúp đạt được CĐR của CTĐT chưa đủ cơ sở. Một số HP trong CTĐT, ma trận kỹ năng giữa các HP và CĐR khi chuyển vào ĐCCT HP chưa thật chính xác ảnh hưởng đến quá trình KTĐG. Ví dụ: HP Luật Đầu tư trong CTĐT năm 2024 thì đáp ứng PLO3 (A), PLO8 (M), PLO9 (M) nhưng trong ĐCCT HP năm 2024 thì đáp ứng PLO1 (R), PLO2 (R), PLO3 (A), PLO7 (M), PLO9 (R), các lỗi tương tự cho một số HP khác như HP Luật dân sự, HP Kinh tế học...

Các quy định/ hướng dẫn về đánh giá KQHT đang phân bố ở nhiều văn bản khác nhau, rất khó để NH truy cập và tìm hiểu khi cần.

Trường chưa ban hành Quy định/Hướng dẫn về phân tích độ tin cậy, độ giá trị của đề thi, và chưa tổ chức phân tích độ giá trị, độ tin cậy đề thi.

Do quy định về đo lường mức đạt CĐR CTĐT của NH mới được ban hành (QĐ số 814/QĐ-ĐHTCM ngày 20/3/2025) nên Khoa chưa thực hiện đo lường mức độ NH đạt được CĐR của HP và của CTĐT ngành Luật kinh tế.

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về việc sử dụng hiệu quả các tổ hợp phương pháp KTĐG, hoạt động phân tích KQHT của NH và công tác đo lường, đánh giá HP của GV và bộ môn. Trường chưa định kỳ tổ chức KTĐG về công tác tổ chức thi và chấm thi, chấm phúc khảo và công bố kết quả thi.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường cần tách CĐR CTĐT thành các chỉ số thực hiện (Pls) rõ ràng và chi tiết hơn để dễ dàng thực hiện đo lường mức đạt CĐR của HP và CTĐT. Cần rà soát lại mức độ tương thích giữa CĐR của CTĐT với các HP (ma trận kỹ năng) và CĐR CTĐT trong

ĐCCT HP nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất giúp việc đánh giá KQHT được hiệu quả và đáp ứng CĐR.

Trường cần rà soát, cập nhật và ban hành mới văn bản liên quan đến KTĐG KQHT thành một văn bản hướng dẫn chung và phổ biến rộng rãi đến NH giúp họ dễ dàng tiếp cận, hiểu và thực hiện đúng các quy định.

Xây dựng quy định/hướng dẫn chi tiết cho hoạt động thực hiện phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi/ bài thi. Thực hiện đo lường và phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi/ bài thi để cho thấy được mối tương quan và khác biệt kết quả đánh giá so với mức độ NH đạt được CĐR;

Thực hiện việc đo lường và giám sát mức độ NH đạt được CĐR của HP và của CTĐT.

Định kỳ thực hiện sơ kết, tổng kết về việc sử dụng hiệu quả các tổ hợp phương pháp KTĐG, hoạt động phân tích KQHT của NH và công tác đo lường, đánh giá HP của GV và bộ môn; xây dựng cơ chế theo dõi, việc sử dụng KQĐG phân tích đề thi/câu hỏi thi để cải tiến.

Trường/Khoa cần tổ chức đánh giá, giám sát việc sử dụng thông tin phản hồi KQĐG để cải thiện việc học tập cho NH.

Trường cần định kỳ tổ chức KTĐG về công tác tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả thi đảm bảo đúng thời gian quy định, bảo đảm quyền lợi cho NH và tăng mức độ hài lòng của NH với các phương thức KTĐG KQHT.

Số tiêu chí đạt: 4/5; Số tiêu chí chưa đạt: 1/5 (Tiêu chí 5.3)

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

1. Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

a) Điểm mạnh

Căn cứ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng (PVCĐ), Trường đã thực hiện việc quy hoạch đội ngũ GV. Việc quy hoạch, thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu được thể hiện trong các văn bản sau: CLPT Trường giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030 (QĐ số 2772/QĐ-BTC ngày 12/11/2013, được sửa đổi, bổ sung theo QĐ số 2294/QĐ-ĐHTCM ngày

29/12/2021); CLPT Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM ngày 17/10/2022); Nghị quyết về phát triển đội ngũ GV có trình độ cao giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến 2030 (số 01-NQ/ĐU.DHTCM ngày 05/5/2021); Nghị quyết về Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức (số 16/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28/9/2021); Nghị quyết Quy định việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (số 23/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 15/11/2021; số 48/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 18/10/2022); Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2021-2023 kèm theo bản mô tả vị trí việc làm (QĐ số 1096/QĐ-ĐHTCM ngày 29/10/2021). Theo các văn bản trên, đến năm 2025 Trường có khoảng 800 GV-viên chức, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ (TS) trở lên khoảng 25%; ThS 78%; tỉ lệ GV có chức danh Giáo sư (GS) 0,66%; Phó Giáo sư (PGS) 4,14%; tỉ lệ GV trên tổng số viên chức đạt khoảng 75%; 25% GV có thể giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trường đề ra chính sách thu hút GV có trình độ cao: Đối với GV mới chuyển về trường có chức danh Giáo sư hoặc GV của Trường được công nhận chức danh Giáo sư được thưởng 500 triệu đồng; có chức danh Phó Giáo sư được thưởng 400 triệu đồng; có học vị TS do nước ngoài cấp được thưởng 300 triệu đồng; ưu tiên tuyển dụng NH tốt nghiệp loại xuất sắc. Căn cứ chiến lược/quy hoạch của Trường, Khoa Kinh tế - Luật đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030 (QĐ số 3150/QĐ-ĐHTCM ngày 30/11/2022), theo đó, đội ngũ của Khoa đến năm 2025 có khoảng từ 41 đến 48 người, trong đó có 1-2 PGS.TS và 13-15 TS.

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV được Trường/Khoa triển khai thực hiện. Tại thời điểm ĐGN, Trường có tổng số 416 GV, trong đó có 17 Phó Giáo sư, 93 Tiến sĩ, 301 Thạc sĩ (ThS), 05 cử nhân. Trong số GV trên, GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Luật kinh tế có 14 người, gồm 02 tiến sĩ và 12 thạc sĩ. Với quy mô đào tạo 240 NH, số GV hiện có đủ về số lượng và trình độ để đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCD.

b) Điểm tồn tại

Nhiệm vụ PVCD chưa được đề cập rõ nét trong CLPT của Trường/Khoa, thời lượng PVCD của GV chưa được quy định cụ thể; Đề án việc làm của Trường mới chỉ xây dựng cho giai đoạn 2021-2023.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

CLPT của Trường/Khoa cần có nội dung hoạt động PVCD; Thời lượng PVCD của GV cần được quy định cụ thể. Trường cần tiếp tục xây dựng đề án việc làm cho giai đoạn tiếp theo.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

a) Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/NH của từng năm học được Trường/Khoa giám sát để đảm bảo chất lượng đào tạo và xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh. Trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ GV/NH đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy đáp ứng quy mô đào tạo trong giai đoạn đánh giá.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết tại: Quy định chế độ làm việc đối với GV (số 948/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 17/5/2019; số 647/QĐ-ĐHTCM ngày 09/4/2021; số 2640/QĐ-ĐHTCM ngày 04/10/2024); Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của GV (QĐ số 220/QĐ-ĐHTCM ngày 28/02/2020; số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24/3/2022; số 2640/QĐ-ĐHTCM ngày 04/10/2024) và được triển khai thực hiện.

Trường đã có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi với đội ngũ GV. Khối lượng công việc trong 01 năm của GV được quy định theo chức danh, theo đó, GV cao cấp (Hạng I) có định mức giờ chuẩn giảng dạy là 310 giờ, GV chính (Hạng II) là 290 giờ, GV (Hạng III) là 270 giờ và Trợ giảng 135 giờ; định mức giờ NCKH theo các chức danh trên lần lượt là: 580 giờ, 560 giờ, 540 giờ và 270 giờ. Cùng với việc quy định khối lượng công việc của GV, Trường còn có quy định cụ thể mức độ phân trăm tối thiểu khối lượng công việc đối với GV giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý.

Đầu mỗi năm học, Khoa thực hiện phân công nhiệm vụ cho GV và xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Dựa trên nhiệm vụ đăng ký vào đầu năm học, Khoa có triển khai thực hiện, giám sát và thống kê khối lượng thực hiện nhiệm vụ hằng năm, công bố chi tiết trong báo cáo kết quả thực hiện hoạt động trong năm học. Trong chu kỳ đánh giá, đội ngũ GV của ngành đảm bảo đủ số giờ chuẩn giảng dạy. Kết quả thống kê khối lượng công việc được sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo và NCKH trong năm học tiếp theo.

b) Điểm tồn tại

Thời lượng hoạt động PVCD của GV chưa được quy định cụ thể.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần quy định cụ thể thời lượng hoạt động PVCD của GV.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển GV: Quy định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của Trường (QĐ số 766/QĐ-TCM ngày 03/11/2015); Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường (Nghị quyết số 23/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 15/11/2021, được sửa đổi tại NQ số 48 ngày 18/10/2022); Quy định về Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp thuộc Trường (QĐ số 24 ngày 29/12/2017; Nghị quyết số 24/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 15/11/2021); Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2020 (QĐ số 1158/QĐ-ĐHTCM ngày 29/6/2018); Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2021-2023 (QĐ số 1906/QĐ-ĐHTCM ngày 29/10/2021).

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (NCV) (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến tới từng đơn vị thuộc Trường qua các cuộc họp giao ban, qua công văn/thông báo/thư điện tử gửi đến các đơn vị của Trường và qua thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://ufm.edu.vn/>. Trong chu kỳ đánh giá, Trường đã tuyển được 90 GV gồm 02 Phó Giáo sư, 29 tiến sĩ, 52 thạc sĩ, 07 đại học (trong đó 02 GV có trình độ thạc sĩ được tuyển dụng cho CTĐT ngành Luật kinh tế); có 43 GV nghỉ hưu; bổ nhiệm mới vào vị trí quản lý (từ cấp bộ môn trở lên) 120 người.

b) Điểm tồn tại

Chưa đánh giá hiệu quả các hình thức công khai tiêu chí tuyển dụng và hiệu quả của chính sách đãi ngộ GV có trình độ cao.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần đánh giá hiệu quả các hình thức công khai tiêu chí tuyển dụng và của chế độ

đãi ngộ GV có trình độ cao để có giải pháp cải tiến.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

4. Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

a) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được thể hiện tại một số văn bản đã được nêu ở tiêu chí 6.2, 6.3 như: Quy định về chế độ làm việc của GV; Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp; Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với tập thể, cá nhân thuộc Trường; Đề án vị trí việc làm và tại các Hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng viên chức, người lao động của các năm từ 2019-2024. Theo quy định tại các văn bản trên, năng lực của GV đáp ứng các quy định hiện hành về tiêu chuẩn của viên chức giảng dạy và gồm những năng lực/phẩm chất sau: Đạo đức nghề nghiệp, năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy, xây dựng ĐCCT, biên soạn giáo trình, bài giảng và thiết kế học liệu; giảng bài, cải tiến nội dung, PPGD, nghiên cứu và thực hành môn học; quản lý lớp, soạn đề thi; đánh giá KQHT của NH, tương tác với NH; ứng dụng năng lực số trong giảng dạy; khả năng ứng dụng và sử dụng các phương tiện, công cụ hỗ trợ dạy học; khả năng giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực NCKH và hướng dẫn NH NCKH, năng lực PVCĐ.

Năng lực của GV được đánh giá thông qua các hoạt động dự giờ, qua các cuộc họp của tổ bộ môn, qua phản hồi của NH về hoạt động của GV, qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Cuối năm học, tất cả GV đều đánh giá kết quả thực hiện công việc và xếp loại theo 05 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí. Các tiêu chuẩn và tiêu chí được lượng hóa bằng mức điểm với các trọng số khác nhau với tổng là 100 điểm. Quy trình đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học được tổ chức chặt chẽ, công khai, minh bạch qua các bước sau: Cá nhân tự đánh giá; Lãnh đạo đơn vị tổ chức họp đơn vị để cá nhân trình bày báo cáo tự đánh giá, đồng nghiệp góp ý và bình xét trong đơn vị; kết quả bình xét tại đơn vị được gửi về Trường. Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp xét thi đua. Căn cứ ý kiến tại cuộc họp và ý kiến các BLQ, quyết định mức xếp loại đối với viên chức, người lao động.

Kiểm tra minh chứng cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, ngoài số GV chưa được xếp loại do chưa đủ thời gian công tác và một vài trường hợp bị xếp loại không hoàn thành

nhiệm vụ, số GV còn lại của Trường đều được xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Trong chu kỳ đánh giá, có 29 lượt GV của CTĐT ngành Luật kinh tế được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 24 lượt GV được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; không có GV xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ hoặc Không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Điểm tồn tại

Tiêu chí đánh giá năng lực của GV trong hoạt động giảng dạy mới chỉ tính đến khối lượng, chưa có tiêu chí đánh giá chất lượng.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung tiêu chí chất lượng khi đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

5. Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

a) Điểm mạnh

Trường đã thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV và của nhân viên (NV). Hàng năm, Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC) có thông báo đề nghị các đơn vị khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV, NV thuộc đơn vị và gửi kết quả về Phòng TC-HC (TB số 1955/TB-ĐHTCM-TCHC ngày 29/10/2021, số 2266/TB-DHTCM ngày 03/11/2022...). Căn cứ nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV thực hiện CTĐT, Khoa đề xuất danh sách cử đi học gửi về Phòng TC-HC.

Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NCV, NV thuộc các đơn vị và trên cơ sở phân tích nhu cầu phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ, Trường đã phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (Kế hoạch số 2388/ĐHTCM ngày 14/11/2019; số 3457/ĐHTCM ngày 30/12/2021,...).

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Trường triển khai thực hiện. So với kế hoạch, trên 95% GV đã được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã đăng ký. Trong chu kỳ đánh giá, Trường có 32 GV được đi học nghiên cứu sinh nước ngoài, 96 GV đi học nghiên cứu sinh trong nước, 02 GV được đi học thạc sĩ nước ngoài, 18 GV học thạc sĩ trong nước (và đã có 48 GV nhận bằng tiến sĩ, 02 GV nhận bằng thạc sĩ), 153 GV được bồi dưỡng ngoại ngữ, 19 GV được tập huấn về nghiệp vụ sư phạm, 518 GV được tham gia

khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, 192 GV tham dự các lớp hội thảo, tập huấn khác. Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT ngành Luật kinh tế có 03 GV được đi học nghiên cứu sinh trong nước (có 01 GV đã nhận bằng tiến sĩ), 01 được bồi dưỡng ngoại ngữ và 07 GV được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác. Kinh phí dành cho phát triển đội ngũ hằng năm như sau: Năm 2019: 2,318 tỉ đồng; năm 2020: 3,747 tỉ đồng; năm 2021: 3,787 tỉ đồng; năm 2022: 5,010 tỉ đồng; năm 2023: 4,973 tỉ đồng và năm 2024: 8,227 tỉ đồng (Trường không tách riêng được kinh phí đào tạo, bồi dưỡng dành cho GV và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho NV).

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá. Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì trong việc tổ chức, giám sát, đánh giá, báo cáo về đào tạo, bồi dưỡng. Kết thúc năm học, Trường thực hiện đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, rút kinh nghiệm để khắc phục những tồn tại về nội dung, cách thức tổ chức lớp học; thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng. Phòng vẫn cho thấy GV hài lòng với công tác đào tạo, bồi dưỡng.

b) Điểm tồn tại

Các lớp bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm của GV (như các lớp về PPDH, phương pháp KTĐG, xây dựng CTĐT, xây dựng ĐCHP, các lớp học về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong dạy và học ...) chưa nhiều.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần tăng cường các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm cho GV.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

6. Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

a) Điểm mạnh

Đầu mỗi năm học, căn cứ các quy định của Trường liên quan đến GV như: Quy định về chế độ làm việc đối với GV; Quy định về chức danh nghề nghiệp viên chức; Bản mô tả công việc của GV; Quy chế chi tiêu nội bộ (các văn bản này đã được nêu ở các tiêu chí 6.1-6.5), Lãnh đạo Khoa đều có bảng phân công công việc cụ thể cho mỗi GV.

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của GV được thực hiện thông qua Trường bộ môn,

Trường khoa và các đơn vị có liên quan (Phòng Thanh tra giáo dục; Phòng QLĐT, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)). Cuối mỗi năm học, căn cứ Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công việc của đội ngũ GV, Quy chế thi đua, khen thưởng, GV thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc vào Phiếu đánh giá xếp loại viên chức (theo từng năm học); Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng QLKH&HTQT thẩm định khối lượng giảng dạy và khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá, xếp loại GV, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp).

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ và chặt chẽ: tất cả GV được tham gia góp ý trong quá trình bình xét thi đua; trước khi ra quyết định công nhận KQĐG, xếp loại chất lượng GV và kết quả bình xét thi đua, khen thưởng, kết quả xét thi đua của Hội đồng thi đua khen thưởng được gửi đến toàn thể các đơn vị thuộc Trường để lấy ý kiến phản hồi. Trường hợp GV chưa hài lòng về KQĐG, có kiến nghị đều được cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Sau thời gian lấy ý kiến phản hồi từ các đơn vị, Trường sẽ ra quyết định công nhận KQĐG, xếp loại chất lượng GV và kết quả bình xét thi đua. Trong chu kỳ đánh giá như sau, GV CTĐT ngành Luật kinh tế có 46 lượt GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 07 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Phòng vấn cho thấy đội ngũ GV hài lòng với kết quả thi đua, khen thưởng và chưa có khiếu nại về kết quả thi đua được công nhận bởi Trường và các cấp có thẩm quyền.

b) Điểm tồn tại

Trường chưa tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về kết quả thi đua, khen thưởng.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về kết quả thi đua, khen thưởng.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

7. Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

Quy định về hoạt động NCKH của GV (QĐ số 220/QĐ-ĐTCM ngày 28/02/2020, số 844/QĐ-ĐTCM ngày 14/3/2022 và số 2640 QĐ-ĐTCM ngày 04/10/2024) đã chỉ rõ 08 loại hình NCKH của GV và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Theo

Quy định tại các văn bản trên, trong mỗi năm học, mỗi GV phải công bố kết quả NCKH bằng sản phẩm nghiên cứu cụ thể, trong đó bắt buộc tham gia thực hiện một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài tham luận hội thảo khoa học chuyên ngành từ cấp khoa trở lên hoặc tham gia viết giáo trình, tài liệu học tập cho NH đã nghiệm thu. Sản phẩm NCKH được quy đổi sang định mức giờ tương đương với giá trị khoa học và thứ hạng của sản phẩm.

Để cải tiến hoạt động NCKH, loại hình, số lượng, chất lượng các sản phẩm NCKH của GV được giám sát, đối sánh. Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối thống kê công trình, sản phẩm của từng GV, NCV, của từng đơn vị; quy đổi số giờ thực hiện hoạt động NCKH của các công trình, sản phẩm; xác định khối lượng giờ thực hiện NCKH trong năm của từng GV, tổng kết khối lượng giờ thực hiện hoạt động NCKH; đánh giá nghĩa vụ thực hiện NCKH của từng GV; lưu trữ, quản lý các dữ liệu thống kê về NCKH và thực hiện việc đối sánh kết quả NCKH giữa các đơn vị. Trong chu kỳ đánh giá, GV của CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế đạt được kết quả NCKH như sau:

TT	Loại sản phẩm	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
		2020	2021	2022	2023	202	
1	Đề tài cấp trường	00	01	02	07	01	11
2	Tạp chí khoa học quốc tế	00	00	01	00	02	03
3	Số bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước	00	09	07	13	15	44
4	Số báo cáo tham luận ở hội thảo trong nước (bao gồm hội thảo cấp Trường)	06	05	02	02	11	26
5	Số báo cáo tham luận ở hội thảo quốc tế	00	01	00	00	02	03

b) Điểm tồn tại

Khoa chưa có công trình NCKH cấp Nhà nước hay quốc tế. Việc đối sánh giữa các đơn vị trong trường mới chỉ có đối sánh về số lượng đề tài nghiên cứu, chưa có đối sánh kết quả NCKH với các đơn vị ngoài trường.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Để hoàn thành một trong các sứ mệnh của Trường: “tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính”, Khoa/Bộ môn cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu mang tầm cỡ quốc gia, quốc tế; cần có đối sánh NCKH với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường/Khoa có xây dựng chiến lược phát triển, quy hoạch đội ngũ GV và triển khai thực hiện, rà soát và đánh giá định kỳ. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Quy định về việc quy đổi giờ chuẩn, về số giờ giảng/khối lượng công đổi với GV, về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực GV, về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH, về giám sát, đánh giá kết quả công việc và khen thưởng đội ngũ GV đáp ứng các quy định hiện hành và được thực hiện tường minh. Trường/Khoa có khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kèm chính sách hỗ trợ.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Nhiệm vụ PVCD chưa được đề cập rõ nét trong CLPT của Trường/Khoa; thời lượng PVCD của GV chưa được quy định cụ thể. Đề án việc làm của Trường mới chỉ xây dựng cho giai đoạn 2021-2023; chưa đánh giá hiệu quả các hình thức công khai tiêu chí tuyển dụng cũng như tính hiệu quả chính sách đãi ngộ GV có trình độ cao. Việc đánh giá GV trong hoạt động giảng dạy mới chỉ tính đến khối lượng thực hiện, chưa có tiêu chí đánh giá chất lượng. Các lớp bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ sư phạm của GV (như các lớp về PPDH, phương pháp KT&DG, xây dựng CTĐT, xây dựng đề cương, xây dựng đề thi có độ tin cậy và đo được độ giá trị của CĐR, các lớp học về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong dạy và học chưa nhiều. Trường chưa tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về kết quả thi đua, khen thưởng. Trường/Khoa chưa có công trình NCKH cấp Nhà nước hay quốc tế; chưa có đối sánh NCKH với các đơn vị ngoài trường.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường cần quy định cụ thể thời lượng PVCD của GV; cần đánh giá hiệu quả các hình thức công khai tiêu chí tuyển dụng, tính hiệu quả chính sách đãi ngộ GV có trình độ cao; cần bổ sung tiêu chí chất lượng vào tiêu chí đánh giá năng lực hoạt động giảng dạy của GV; cần tăng cường các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm; cần tổ chức khảo sát sự hài lòng của GV về kết quả thi đua, khen thưởng. Trường/Khoa cần chủ động xây dựng các đề tài NCKH cấp quốc gia; cần có đối sánh kết quả NCKH với các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

Số tiêu chí đạt: 7/7; Số tiêu chí chưa đạt: 0/7

VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

1. Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành CLPT giai đoạn 2013-2020 và định hướng đến năm 2030 (QĐ số 2772/QĐ-BTC ngày 12/11/2013, được sửa đổi, bổ sung theo QĐ số 2294/QĐ-ĐHTCM ngày 29/12/2021); CLPT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 47/NQ-ĐHTCM ngày 17/10/2022); Nghị quyết về Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 (Nghị quyết số 16/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28/9/2021); phê duyệt Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2021-2023 (QĐ số 1096/QĐ-ĐHTCM ngày 29/10/2021). Các văn bản trên đề ra mục tiêu đến năm 2025 Trường có khoảng 800 GV-viên chức, trong đó NV chiếm tỉ lệ 25%; mô tả cụ thể công việc của NV hành chính tại từng vị trí việc làm kèm theo khung năng lực. Tất cả các văn bản trên đều được xây dựng trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVECĐ.

Để xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức, Trường đã ban hành chế độ thu hút NV như hệ số phụ cấp cho NV hành chính. Trong năm 2025 Trường đã ban hành Quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài (QĐ số 825/QĐ-ĐHTCM ngày 21/3/2025), trong đó đưa ra nhiều ưu đãi về lương, về việc bố trí việc làm, về đào tạo, bồi dưỡng.

Việc quy hoạch đội ngũ NV được xây dựng trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ NV. Đề án vị trí việc làm đã chỉ rõ số lượng, trình độ NV tại mỗi vị trí việc làm, tại mỗi đơn vị phòng, ban, trung tâm như số lượng NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và các dịch vụ hỗ trợ khác để đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVECĐ.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu nhân lực cụ thể, các đơn vị thuộc Trường đều có đề xuất để Trường xem xét, tuyển dụng, lựa chọn những NV hỗ trợ phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của đơn vị. Đến tháng 12 năm 2024, đội ngũ NV làm việc tại các phòng, ban của Trường là 151 người (trong đó có 69 ThS, 76 cử nhân, kỹ sư), đủ về số lượng, thông hiểu nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVECĐ của 416 GV và gần 22.000 NH. Trong số cán bộ phòng, ban hỗ trợ chung cho toàn trường, trực tiếp làm việc tại Khoa

Kinh tế - Luật có 01 thư ký khoa đảm nhận việc giải quyết các công việc hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ của khoa chuyên môn.

b) Điểm tồn tại

Nhiệm vụ PVCĐ chưa được đề cập rõ nét trong CLPT Trường/Khoa; Đề án việc làm của Trường mới chỉ xây dựng cho giai đoạn 2021-2023.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

CLPT của Trường/Khoa cần có nội dung hoạt động PVCĐ. Trường cần tiếp tục xây dựng đề án việc làm cho giai đoạn tiếp theo.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV: Quy định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp (QĐ số 766/ĐH-TCM ngày 03/11/2015); Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị quyết số 23/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 15/11/2021 và được sửa đổi tại Nghị quyết số 48 ngày 18/10/2022); Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với viên chức lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (QĐ số 2160 ngày 08/11/2012); Quy định về Tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp (QĐ số 24 ngày 29/12/2017; Nghị quyết số 24/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 15/11/2021); Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2023. Các văn bản trên đã quy định về chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức, trách nhiệm, năng lực ngoại ngữ, tin học, khối lượng công việc, sản phẩm đầu ra đối với viên chức tại mỗi vị trí việc làm. Các quy định trên là cơ sở để xác lập các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

Trong quá trình xây dựng các văn bản trên, Trường đã tiến hành tham khảo và tiếp thu ý kiến đóng góp của các BLQ để hoàn thiện tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến rộng rãi tới toàn bộ đội ngũ GV và NV thông qua các cuộc họp đơn vị, được công khai trên website của Trường và báo chí (Báo Người Lao Động, Báo Thanh Niên, Báo Tuổi trẻ). Trong

chu kỳ đánh giá, Trường đã tuyển dụng được 16 NV gồm 05 người có trình độ thạc sĩ và 11 người có trình độ đại học.

b) Điểm tồn tại

Khung năng lực vị trí việc làm chưa chỉ ra được các yêu cầu năng lực riêng biệt, mang tính đặc thù công việc của từng đơn vị công tác và do vậy, chưa có các tiêu chí tuyển dụng phản ánh tính đặc thù công việc của từng đơn vị công tác (theo Khung năng lực vị trí việc làm, ngoại trừ yêu cầu có bằng cấp, chứng chỉ ngoại ngữ và tin học phù hợp với vị trí việc làm, tất cả các NV làm việc ở các phòng, khoa, trung tâm, tạp chí đều có chung khung yêu cầu về năng lực).

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần nghiên cứu đặc thù/tính chất công việc của từng đơn vị công tác để hoàn thiện Khung năng lực vị trí việc làm, bổ sung yêu cầu đặc thù đối với vị trí việc làm của từng đơn vị để có cơ sở cụ thể hơn trong việc xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm NV của từng đơn vị.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành các văn bản quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm, ngoại ngữ, tin học đối với mỗi NV ở mỗi vị trí việc làm (như đã trình bày tại tiêu chí 7.2). Cùng các văn bản quy định năng lực của đội ngũ NV, Trường đã ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với tập thể, cá nhân (số 903/QĐ-ĐHTCM ngày 31/3/2022; số 2125/QĐ-ĐHTCM ngày 24/8/2023; số 749/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2024) và có các Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng viên chức, người lao động của các năm từ 2020-2024. Các văn bản trên quy định rõ về phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá, phân loại và quy trình đánh giá NV. Theo đó, NV hành chính được đánh giá theo 05 tiêu chuẩn, 17 tiêu chí với các trọng số khác nhau và được lượng hóa bằng mức điểm. Quy trình đánh giá năng lực của NV được tổ chức chặt chẽ, minh bạch, công khai qua các bước sau: Cá nhân tự đánh giá, bình xét trong từng đơn vị; kết quả bình xét tại đơn vị được gửi về Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng để tổng hợp, rà soát và trình Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét, đánh giá. Trước khi ra quyết định công nhận và

khen thưởng, kết quả xem xét, đánh giá của Hội đồng thi đua khen thưởng được gửi tới các đơn vị để lấy kiến phản hồi.

Theo các quy định trên, hàng năm, Trường đều tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV và có các quyết định công nhận KQĐG, phân loại NV. Các năm trong chu kỳ đánh giá, trừ một vài NV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, số còn lại đều được đánh giá hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong chu kỳ đánh giá, 01 NV phụ trách công tác giáo vụ Khoa Kinh tế - Luật đều được đánh giá hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cùng với việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV, Trường còn triển khai khảo sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV. KQKS hàng năm cho thấy: Mức độ hài lòng của NH ngành Luật kinh tế đối với đội ngũ NV các năm đều trên 90%.

b) Điểm tồn tại

Chưa có sự khác biệt về điểm đánh giá đối với mỗi hoạt động PVCĐ (theo Hướng dẫn kèm theo QĐ số 749/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2024, mỗi hoạt động PVCĐ đều được tính 1 điểm).

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cân nhắc mức độ phức tạp của mỗi hoạt động PVCĐ để cho điểm phù hợp; nên quy định số thời gian PVCĐ đối với NV.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

4. Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

a) Điểm mạnh

Hàng năm, Trường đều có thông báo yêu cầu viên chức, người lao động đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng. Trường có quy định viên chức, người lao động mỗi năm bắt buộc phải tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ 01 tuần (Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo QĐ số 2247 năm 2017 và QĐ số 2395 năm 2022); việc đào tạo, bồi dưỡng được đưa thành tiêu chuẩn đánh giá NV (theo quy định tại Bộ Tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với tập thể, cá nhân thuộc Trường ban hành theo QĐ số 749/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2024).

Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV thuộc các đơn vị và trên cơ sở phân tích nhu cầu phục vụ ĐT, NCKH và PVCĐ của đội ngũ NV, Trường đã có kế hoạch đào

tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hàng năm.

Trong giai đoạn 2019-2024, Trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo để chuẩn hoá trình độ theo tiêu chuẩn chức danh của đội ngũ NV; tổ chức hoặc cử NV tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn với nội dung phong phú, đa dạng và thiết thực như ngoại ngữ, lớp bồi dưỡng lý luận chính trị trung cấp, lớp bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng đảm bảo chất lượng, lớp tập huấn về nội dung tự đánh giá chương trình, đánh giá cơ sở. Trường đặc biệt chú trọng đến việc NV tham gia các lớp bồi dưỡng theo vị trí việc làm và các lớp nâng cao năng lực số như lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin thư viện; lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý phòng, ban; lớp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho CVHT; lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý tài chính, tài sản công tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; lớp chuẩn hóa kỹ năng sử dụng CNTT... Trong chu kỳ đánh giá, NV phụ trách công tác giáo vụ Khoa Kinh tế - Luật đã tham gia được 02 lớp bồi dưỡng (Lớp Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và lớp Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính). Kinh phí chi phát triển đội ngũ cán bộ, GV, NV các năm trong chu kỳ đánh giá lần lượt là: Năm 2020: 3,747 tỉ đồng, năm 2021: 3,787 tỉ đồng, năm 2022: 5,010 tỉ đồng, năm 2023: 4,973 tỉ đồng, năm 2024: 8,227 tỉ đồng (Trường không tách riêng được kinh phí đào tạo, bồi dưỡng dành cho GV và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho NV).

b) Điểm tồn tại

Chưa thực hiện việc đánh giá hiệu quả mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc sau mỗi đợt cử NV tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần đánh giá hiệu quả của mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng, chỉ rõ tồn tại và đề xuất giải pháp để cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

5. Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV (bản mô tả vị trí việc làm); Quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV (Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và

trực thuộc Trường (QĐ số 249/QĐ-ĐHTCM ngày 04/3/2021, số 1532/QĐ-ĐHTCM ngày 14/6/2022, số 2578/QĐ-ĐHTCM ngày 04/10/2023); Quy định tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với tập thể, cá nhân thuộc Trường, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận (QĐ số 749/QĐ-ĐHTCM ngày 29/3/2024); Thông báo hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hàng năm (Thông báo số 1668/TB- ĐHTCM ngày 10/11/2021,...).

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV được thực hiện thông qua trưởng các đơn vị, bộ phận thanh tra, qua ý kiến đánh giá từ cuộc họp chi bộ, đoàn thanh niên, công đoàn. Kết quả giám sát được tổng hợp, quản lý tại đơn vị và Phòng TC-HC, được sử dụng làm căn cứ công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm.

Để thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, đầu năm học mỗi NV đều có bản đăng ký thi đua, trong đó có liệt kê đầy đủ khối lượng công việc được giao trong năm.

Tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng đánh giá hiệu quả công việc.

Công tác đánh giá NV được các đơn vị thuộc Trường thực hiện công khai, minh bạch và dân chủ; tất cả NV được tham gia góp ý trong quá trình bình xét thi đua. Phỏng vấn cho thấy đội ngũ NV chưa có khiếu nại về kết quả thi đua được công nhận bởi Trường và các cấp có thẩm quyền. Các năm trong chu kỳ đánh giá, khoảng 81% số NV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và khoảng 15% số NV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Trong chu kỳ đánh giá, NV phụ trách công tác giáo vụ của Khoa Kinh tế - Luật đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

b) Điểm tồn tại

Kế hoạch công tác của NV hỗ trợ còn chưa cụ thể (một số mục tại Kế hoạch công tác) chưa thể hiện tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành). Trường chưa tổ chức khảo sát sự hài lòng của NV về kết quả thi đua, khen thưởng.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần cải tiến mẫu Kế hoạch công tác của NV, bổ sung tiến độ, thời gian hoàn thành nhiệm vụ để thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát. Trường cần tổ chức khảo

sát sự hài lòng của NV về kết quả thi đua, khen thưởng.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường đã quy hoạch đội ngũ NV cho cả giai đoạn và cho từng năm. Đội ngũ 151 NV hiện có đủ số lượng và năng lực để đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đã xây dựng được Đề án vị trí việc làm; ban hành Khung năng lực vị trí việc làm cùng các văn bản quan trọng khác làm cơ sở để xác định tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng và được công khai.

Quy trình, phương pháp, tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá, phân loại NV được xác định rõ ràng; việc đánh giá năng lực và khen thưởng đội ngũ NV được thực hiện tường minh trên cơ sở các tiêu chí được xác định và phổ biến công khai. Các BLQ hài lòng với sự hỗ trợ của NV.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV được khảo sát, được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với NV tại mỗi vị trí việc làm; có quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Nhiệm vụ PVCĐ chưa được đề cập rõ nét trong CLPT Trường/Khoa; Đề án việc làm của Trường mới chỉ xây dựng cho giai đoạn 2021-2023.

Khung năng lực vị trí việc làm chưa chỉ ra được các yêu cầu năng lực riêng biệt, mang tính đặc thù công việc của từng đơn vị công tác.

Chưa có sự khác biệt về điểm đánh giá đối với mỗi hoạt động PVCĐ.

Chưa thực hiện việc đánh giá hiệu quả mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Kế hoạch công tác của NV hỗ trợ còn chưa cụ thể.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

CLPT của Trường/Khoa cần có nội dung hoạt động PVCĐ; Trường cần tiếp tục xây dựng đề án việc làm cho giai đoạn tiếp theo.

Cần nghiên cứu đặc thù/tính chất công việc của từng đơn vị công tác để hoàn thiện

Khung năng lực vị trí việc làm, bổ sung yêu cầu đặc thù đối với vị trí việc làm của từng đơn vị để có cơ sở cụ thể hơn trong việc xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm NV của từng đơn vị.

Cần cân nhắc mức độ phức tạp của mỗi hoạt động PVCD để cho điểm phù hợp; nên quy định số thời gian PVCD đối với NV.

Trường cần đánh giá hiệu quả của mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng, chỉ rõ tồn tại và đề xuất giải pháp để cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Trường cần cải tiến mẫu Kế hoạch công tác của NV, bổ sung tiến độ, thời gian hoàn thành nhiệm vụ để thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát.

Số tiêu chí đạt: 5/5; Số tiêu chí chưa đạt: 0/5

VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

1. Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

a) Điểm mạnh

Trường có xây dựng Đề án tuyển sinh hằng năm trong giai đoạn đánh giá (2019 - 2024) bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể, rõ ràng đối với từng CTĐT (đối tượng và phương thức xét tuyển/thi tuyển, đối tượng ưu tiên), có ban hành Quy trình xây dựng đề án tuyển sinh (QĐ số 919/QĐ-ĐHTCM ngày 06/4/2023) được xây dựng căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hằng năm.

Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên) thông qua cổng thông tin điện tử của Trường (<https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>), các tài liệu tuyển sinh như Thông báo tuyển sinh, Cẩm nang Tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.ufm.edu.vn/>), Kế hoạch tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp khác, tờ rơi giới thiệu các ngành đào tạo của Trường.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường đã tiến hành tổ chức các cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh để thu thập ý kiến của các BLQ trong Trường và doanh nghiệp, phân tích nhận định tình hình tuyển sinh của Trường, phân tích xu hướng cơ hội và thách thức, dự báo nhu cầu nhân lực để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra (Biên bản Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh 2019 - 2024).

b) Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến của các BLQ trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối

tượng khảo sát.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ ngoài trường.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

a) Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng thông qua Đề án tuyển sinh hằng năm. Trường có các phương thức tuyển sinh như sau: tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của bộ GD&ĐT; xét tuyển học sinh có KQHT trung học phổ thông (THPT); xét tuyển kết quả kỳ thi THPT Quốc gia theo tổ hợp môn; xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM.

Bảng 8.2: Kết quả tuyển sinh và số lượng thí sinh nhập học thực tế CTĐT Luật kinh tế

Khoá học	Số lượng thí sinh trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số lượng sinh viên nhập học
Khoá 2021	351	70	88
Khoá 2022	384	70	119
Khoá 2023	74	70	67
Khoá 2024	83	70	76

Hằng năm, Trường có tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, dựa trên kết quả số lượng thí sinh nhập học và thực trạng tuyển sinh để đánh giá, cải tiến các tiêu chí tuyển sinh theo vùng tuyển, phương thức tuyển sinh; và chuẩn bị kế hoạch tuyển sinh cho năm sau.

Trường đã tiến hành tổng kết công tác tuyển sinh sau mỗi đợt. Dựa trên kết quả số lượng thí sinh nhập học, thực trạng tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh đã tổ chức phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Trường nhằm rút kinh nghiệm, cải tiến các tiêu chí tuyển, công tác thông tin - truyền thông (Thông qua Biên bản lấy ý kiến của các BLQ hằng năm trong việc xây dựng và rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh và tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH) cho kỳ tuyển sinh năm sau trên cơ sở quy định của quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GD&ĐT.

b) Điểm tồn tại

Số liệu thí sinh nhập học thực tế trong các năm 2021, 2022 so với chỉ tiêu được tuyển còn vượt so với quy định.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần thực hiện cân đối số liệu tuyển sinh thực tế so với chỉ tiêu tuyển của năm.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

a) Điểm mạnh

Trường có bộ phận phụ trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ nhằm hỗ trợ NH từng bước cải thiện KQHT. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho Phòng QLĐT, Phòng Công tác sinh viên (CTSV), Khoa Kinh tế - Luật (đội ngũ CVHT, Thư ký Khoa) và các đơn vị khác liên quan chịu trách nhiệm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, theo dõi KQHT, khối lượng học tập của NH của CTĐT được đánh giá và thực hiện cảnh báo học vụ qua Quyết định về việc thành lập tổ Hỗ trợ học tập cho NH (QĐ số 3243/QĐ-ĐHTCM ngày 05/12/2023). Đội ngũ CVHT tại Khoa được phân công và thực hiện tư vấn, hỗ trợ, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH theo Quy định công tác Cố vấn học tập (QĐ số 489/QĐ-ĐHTCM ngày 12/3/2024). Ban cán sự lớp do tập thể NH của lớp bầu dưới sự chủ trì của CVHT có nhiệm vụ tổ chức điều hành hoạt động của lớp, triển khai thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện; thường xuyên báo cáo cho CVHT các hoạt động và tình hình của lớp.

Bảng 8.3: Thống kê số liệu NH cảnh báo học vụ CTĐT Luật kinh tế

Khoá NH	Số lượng NH nhập học	Số lượng NH cảnh báo học vụ hàng năm								
		HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
2021 - 2025 (21D)	55	1	1	2	0	0	0	0	0	0
2022 - 2026 (22D)	49	0	0	0	1	0	0	0		
2023 - 2027 (23D)	55	0	1	1	1					
2024 - 2028 (24D)	84	0								

Trường có ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính Quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021), Quy chế đào tạo của Trường (QĐ số 3279/QĐ-ĐHTCM ngày 03/12/2024), Quyết định về việc ban hành sổ tay Cố vấn học tập năm 2024 (Số 2401/QĐ-ĐHTCM ngày 05/9/2024) và Quy trình cảnh báo, xử lý học vụ đối với NH không đủ điều kiện học tập theo Quy định (QĐ số 2394/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 19/9/2023) để các đơn vị thực hiện việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

Trường có xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, để quản lý CSDL và thực hiện việc giám sát tiến độ học tập, rèn luyện và gia hạn học tập, tạo thuận lợi cho các BLQ có đủ thông tin để hỗ trợ NH thông qua Hệ thống phần mềm QLĐT uis.ufm.edu.vn. Nhờ có phần mềm này mà NH có thể tra cứu thông tin và xem KQHT (NH được Trường cung cấp tài khoản để truy cập vào phần mềm).

b) Điểm tồn tại

Việc đánh giá tính hiệu quả của việc phối hợp của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH chưa thể hiện chi tiết.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc phối hợp của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH để kịp thời điều chỉnh, liên tục cải tiến nâng cao chất lượng

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

4. Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

a) Điểm mạnh

Trường có ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy (QĐ số 2239/QĐ-ĐHTCM ngày 07/9/2023), có phân công Phòng QLĐT, Phòng CTSV cùng các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH (Các quyết định quy định, chức năng, nhiệm vụ của: Phòng QLĐT, Phòng CTSV, Thư viện). Ở các phòng chức năng có các chuyên viên theo dõi, còn ở Khoa có đội ngũ CVHT, giáo vụ Khoa phối hợp với Đoàn thanh niên và Hội sinh viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện

các hoạt động học tập, rèn luyện (Quy chế đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên hình thức chính quy của Trường ĐH Tài chính - Marketing ban hành kèm theo QĐ số 2438/QĐ-ĐHTCM ngày 25/9/2023) và các hoạt động khác, theo dõi, nắm tình hình NH thông qua việc Trường đã có Quyết định ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho sinh viên Trường ĐH Tài chính - Marketing (QĐ số 1372/QĐ-ĐHTCM ngày 31/5/2023).

Phòng CTSV và Phòng Tuyển sinh - Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp (TS-TT&QHDN) tư vấn, hỗ trợ NH tham quan, giới thiệu việc làm, tìm kiếm các loại học bổng, hợp tác với các đơn vị doanh nghiệp. Trường có ban hành Quy định về công tác quản lý hoạt động hợp tác doanh nghiệp Trường ĐHTCM (QĐ số 1925/QĐ-ĐHTCM ngày 05/10/2020) trong các hoạt động liên kết đào tạo, hỗ trợ NH, kết nối cựu NH. Phòng TS-TT&QHDN đã phối hợp với Khoa thực hiện định kỳ hằng năm Ngày hội việc làm cho NH.

Trường và Khoa có ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ tâm lý học đường cho sinh viên Trường ĐHTCM (QĐ số 1372/QĐ-ĐHTCM ngày 31/5/2023), có xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động PVCD thông qua Quyết định ban hành Quy định về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Trường ĐHTCM (QĐ số 2072/QĐ-ĐHTCM ngày 10/8/2022) để giúp nâng cao chất lượng học tập của NH thông qua các hoạt động như Tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học, buổi đối thoại của lãnh đạo Trường với tập thể NH để giải đáp các thắc mắc về quy chế học vụ, quy chế đào tạo và các chính sách, chủ trương của Trường. Ngoài ra, Trường và Khoa phối hợp với Đoàn - Hội tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho NH thể hiện qua việc thành lập các câu lạc bộ (<https://khoakinhteluat.ufm.edu.vn/>, <https://ufm.edu.vn/>, <https://uis.ufm.edu.vn/>) về văn nghệ, thể thao, các đội tình nguyện tham gia chiến dịch Mùa hè xanh, công tác xã hội, chương trình Xuân Tình Nguyện, các chương trình hoạt động từ thiện như Bếp yêu thương, San sẻ yêu thương; Thăm các mái ấm, lớp tình thương.

Định kỳ hằng năm, Trường đã tiến hành tổ chức Hội nghị CTSV, CVHT và sinh viên để phản hồi các ý kiến đóng góp của NH; Trường có triển khai khảo sát lấy ý kiến của NH về chất lượng các hoạt động hỗ trợ NH với kết quả số liệu về mức độ hài lòng đạt trên 80% trong giai đoạn đánh giá.

b) Điểm tồn tại

Việc đánh giá tính hiệu quả các nội dung đã triển khai các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH chưa chi tiết.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Khoa cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả các hoạt động đã triển khai để có căn cứ tăng cường số lượng và cải tiến chất lượng các hoạt động ngoại khóa, gia tăng các dịch vụ hỗ trợ trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH.

d) Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

a) Điểm mạnh

Trường có ban hành Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử văn hoá của người học Trường (QĐ số 1850/QĐ-ĐHTCM ngày 31/7/2023) được phổ biến đến NH trong Sổ tay sinh viên, các bảng thông tin trong các giảng đường, phòng học, phòng thực hành; môi trường làm việc tại Trường thân thiện, tạo không khí thoải mái để CB, GV, NH thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH thuận lợi.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Trường (điển hình tại cơ sở Long Trường) thoáng đãng, nhiều mảng xanh, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường thông qua Quyết định ban hành Quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong Trường ĐHTCM (QĐ số 2567/QĐ-ĐHTCM ngày 28/9/2022), Quy định về công tác y tế học đường của người học (QĐ số 1372/QĐ-ĐHTCM ngày 31/5/2023). Ngoài ra, Trường còn đầu tư những trang thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ, an ninh, trật tự như lắp đặt hệ thống camera giám sát; hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí đầy đủ đảm bảo an toàn phòng cháy nổ, được kiểm tra và tổ chức tập huấn, diễn tập định kỳ hằng năm (Kế hoạch và hình ảnh diễn tập phòng cháy chữa cháy (2019 - 2023).

Trường tổ chức lấy kiến phản hồi của NH và các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường thông qua khảo sát ý kiến NH về chất lượng đào tạo khóa học, với sự hài lòng đạt 96,3% (năm 2023). Kết quả phỏng vấn trực tiếp tại CSGD cho thấy

các BLQ trong và ngoài Trường (NH, GV, NV, cựu NH) hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

b) Điểm tồn tại

Nội dung lấy ý kiến của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD được thực hiện từ năm 2023.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Các khảo sát ý kiến NH về hoạt động hỗ trợ và phục vụ; khảo sát ý kiến các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan cần được tiến hành định kỳ và cần đánh giá chi tiết hơn.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, được xây dựng căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hằng năm. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có CSDL theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và gia hạn học tập.

Trường có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ có kế hoạch hoạt động và triển khai hiệu quả các chính sách học bổng, các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ NH. NH được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập tại Khoa và Trường.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Việc tổ chức lấy ý kiến của các BLQ trong giai đoạn đánh giá chưa đa dạng về đối tượng khảo sát.

Số liệu thí sinh nhập học thực tế trong các năm 2021, 2022 so với chỉ tiêu được tuyển còn vượt so với quy định.

Việc đánh giá tính hiệu quả của việc phối hợp của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH chưa thể hiện chi tiết.

Việc đánh giá tính hiệu quả các nội dung đã triển khai các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH chưa chi tiết.

Nội dung lấy ý kiến của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD được thực hiện từ năm 2023.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường/Khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các BLQ ngoài trường.

Trường cần thực hiện cân đối số liệu tuyển sinh thực tế so với chỉ tiêu tuyển của năm.

Trường/Khoa cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả của việc phối hợp của các bộ phận/cá nhân trong công tác giám sát quá trình và KQHT, rèn luyện của NH để kịp thời điều chỉnh, liên tục cải tiến nâng cao chất lượng

Trường/Khoa cần định kỳ đánh giá tính hiệu quả các hoạt động đã triển khai để có căn cứ tăng cường số lượng và cải tiến chất lượng các hoạt động ngoại khóa, gia tăng các dịch vụ hỗ trợ trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH.

Các khảo sát ý kiến NH về hoạt động hỗ trợ và phục vụ; khảo sát ý kiến các BLQ về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan cần được tiến hành định kỳ và cần đánh giá chi tiết hơn.

Số tiêu chí đạt: 5/5; Số tiêu chí chưa đạt: 0/5

IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

1. Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

a) Điểm mạnh

Trường có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại cơ sở 778 Nguyễn Kiệm, cơ sở 27 Tân Mỹ, cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển và cơ sở 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển và cơ sở Long Trường với tổng diện tích đất sử dụng: 137.126,6 m². Theo số liệu 03 công khai của Trường, tổng diện tích sàn xây dựng tại các cơ sở là 40.982 m², toàn Trường có 90 phòng làm việc, 45 phòng thực hành (3.667m²), 07 nhà tập đa năng (6.480m²), 07 hội trường (4.654m²), 267 phòng học lý thuyết (21.394m²), Thư viện (4.835m²) và 55 phòng chức năng khác (3.619m²). Tất cả các cơ sở đều có phòng họp trực tuyến. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị các trang thiết bị phù

hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Hệ thống phòng học trên giảng đường về cơ bản sử dụng chung có bố trí hợp lý trong khuôn viên Trường ở tất cả các cơ sở. Tỷ lệ diện tích đất/NH đạt tỷ lệ 9,42m²/người, diện tích sàn/NH đạt 2.8m²/người, đáp ứng yêu cầu về không gian học. Riêng tại Khoa Kinh tế - Luật được bố trí tại cơ sở Nguyễn Kiệm với văn phòng Khoa với diện tích 99 m² phục vụ các hoạt động chuyên môn tại khoa.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đủ trang thiết bị (nội thất văn phòng, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điều hòa, máy vi tính, máy in, mạng internet, wifi). Trong phòng học, hội trường được trang bị thiết bị hỗ trợ giảng dạy, lắp đặt hệ thống âm thanh, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT.

b) Điểm tồn tại

Không gian sinh hoạt của các tổ bộ môn còn khiêm tốn.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần mở rộng phòng làm việc cho Trường đơn vị, mở rộng nơi sinh hoạt chuyên môn cho Tổ bộ môn.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

a) Điểm mạnh

Thư viện được xây dựng tại các cơ sở đào tạo của Trường (cơ sở quận 7, cơ sở Nguyễn Kiệm và cơ sở Long Trường), tổng diện tích 3603 m² gồm các khu phòng đọc, phòng sinh hoạt nhóm, phòng học liệu, được đầu tư hệ thống trang thiết bị CNTT như máy tính có nối mạng internet để bạn đọc tra cứu tài liệu, màn hình thông tin có cảm ứng, thiết bị mượn trả tự động, đầu đọc mã vạch, hệ thống camera và cổng an ninh, phần mềm chuyên dụng được đầu tư để quản lý hoạt động của thư viện là PSC zLIS 7.0 (Library Information System của Công ty PSC - Pyramid Software and Consulting). Thư viện Trường còn liên kết và hợp tác với Thư viện các trường đại học (Trường Đại học Ngoại Thương, Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Thủ Dầu Một), là thành viên của hệ thống liên kết nguồn lực thông tin Khoa học và Công nghệ, của Liên Chi hội Thư viện Đại học phía Nam và Hội Thư viện Việt Nam.

Phòng đọc có nội quy và hướng dẫn rõ ràng như Nội quy, quy định sử dụng thư viện (QĐ số 1726/QĐ-ĐHTCM ngày 05/7/2022), quy định về thời gian mở cửa làm việc. Thư viện có cổng thông tin điện tử <https://thuvien.ufm.edu.vn/> và có tài liệu hướng dẫn NH sử dụng dịch vụ, khai thác tài nguyên phù hợp, thư viện quản lý tài liệu bằng phần mềm có các phân hệ biên mục, thống kê, bạn đọc... tra cứu trực tiếp qua mạng Internet giúp NH thuận lợi trong việc tra cứu nguồn học liệu để học tập và nghiên cứu.

Về sách, tài liệu chuyên môn phục vụ cho CTĐT Luật kinh tế bao gồm tài liệu bản in có 1329 đầu sách với 7350 bản; tài liệu số có 80 đầu sách. Qua khảo sát nguồn học liệu (giáo trình bắt buộc, giáo trình tham khảo) được công bố trong CTĐT Luật kinh tế (các phiên bản 2021, 2022, 2024) so với nguồn học liệu hiện có tại Thư viện để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH cho GV và NH theo bảng tổng hợp sau:

Bảng 9.2. Thống kê nguồn học liệu liên quan đến CTĐT ngành Luật kinh tế

CÁC PHIÊN BẢN CTĐT	TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN CTĐT		NGUỒN HỌC LIỆU THEO DM ĐC HP		NGUỒN HỌC LIỆU TẠI THƯ VIỆN		TỈ LỆ
	TL in – số bản sách	TL số	GT chính	GT tham khảo	GT chính	GT tham khảo	
Năm 2021	1.229 - 7.350	80	57	104	51	81	81,98%
Năm 2022			111	188	109	147	85,62%
Năm 2024			56	75	46	52	74,80%

Hằng năm, thư viện Trường có thực hiện việc rà soát, đối chiếu danh mục giáo trình chính, giáo trình tham khảo của từng ĐCHP theo từng CTĐT với nguồn học liệu hiện có tại thư viện để báo cáo lãnh đạo Trường và thông tin đến các Khoa; là cơ sở để thư viện lập kế hoạch bổ sung sách mới để cập nhật danh mục các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) thông qua các đề xuất mua bổ sung tài liệu của các Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu cho các BLQ trong Trường.

b) Điểm tồn tại

Một số tài liệu giáo trình trong CTĐT được đánh giá có tại Thư viện có số đầu sách và số bản chưa đủ theo danh mục trong ĐCHP nhất là CTĐT phiên bản năm 2024.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Bổ sung số bản sách của một số tài liệu giáo trình trong CTĐT được đánh giá có tại Thư viện theo quy định, tăng cường thêm tài liệu số liên quan đến CTĐT.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

3. Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

a) Điểm mạnh

Trường đã trang bị máy tính cho NH, GV tại các cơ sở để tổ chức giảng dạy thực hành môn Tin học và các môn chuyên ngành cho NH ở các ngành đào tạo khác bao gồm cơ sở quận 7 có 07 phòng (44 máy tính/phòng), cơ sở Long Trường có 05 phòng máy (03 phòng với 42 máy/phòng và 02 phòng với 32 máy/phòng), cơ sở Nguyễn Kiệm có 01 phòng với 41 máy tính. Các trang thiết bị trong phòng thực hành đều được bố trí hợp lý, có đầy đủ các điều kiện về âm thanh, chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, các phương tiện hỗ trợ giảng dạy và linh hoạt phục vụ cho các loại hình tổ chức giảng dạy.

Trường đã ban hành Quy chế quản lý phòng thực hành và Nội quy phòng thực hành của Trường ĐHTCM (Số 1792/QĐ-ĐHTCM ngày 18/7/2022). Việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ các phòng thực hành chung được Trường quan tâm hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của ngành được đánh giá.

Định kỳ, Trường có kế hoạch bổ sung mua sắm, thay thế các trang thiết bị mới cho phòng thực hành chuyên môn đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH của CB, GV và NH. Trường có phân công, bố trí cán bộ phụ trách phòng thực hành thông qua Quyết định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Phòng Quản lý tài sản và CNTT thuộc Trường ĐHTCM (QĐ số 3619/QĐ-ĐHTCM ngày 26/12/2024).

Qua quan sát thực tế cho thấy, hệ thống các phòng thực hành có nội quy sử dụng, có hồ sơ theo dõi, quản lý; theo dõi tần suất sử dụng và sổ ghi nhận tình trạng các trang thiết bị. Hằng năm, Trường có tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị.

b) Điểm tồn tại

Khoa chưa có phòng thực hành phiên tòa giả định và Trung tâm tư vấn luật.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần đầu tư mới phòng thực hành phiên tòa giả định, thành lập và triển khai Trung tâm tư vấn luật.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

4. Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập

trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

a) Điểm mạnh

Trường có giao Phòng Quản lý tài sản và Công nghệ thông tin (QLTS&CNTT) (trước đó là Phòng Công nghệ thông tin) theo Nghị quyết số 152/NQ-ĐHTCM-HĐT về việc hợp nhất Phòng Quản lý tài sản và Phòng Công nghệ thông tin thành Phòng QLTS&CNTT ban hành ngày 23/12/2024) phụ trách quản lý hệ thống CNTT của toàn đơn vị. Trường cũng đã ban hành Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng của Trường ĐHTCM (QĐ số 3250/ĐHTCM ngày 06/12/2023) làm cơ sở để thực hiện, triển khai, vận hành hạ tầng CNTT và hệ thống phần mềm được đồng bộ. Tại thời điểm đánh giá, hệ thống CNTT Trường đã được đầu tư nâng cấp máy chủ, có phòng server riêng, hệ thống quản lý dữ liệu tập trung về cơ sở Nguyễn Kiệm, hệ thống hạ tầng CNTT được đầu tư, nâng cấp trang bị các thiết bị chuyên dùng đảm bảo việc phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH.

Hệ thống CNTT hoạt động thường trực, an toàn thông qua sự giám sát, quản lý của đơn vị phụ trách. Trong đó, tốc độ lưu lượng đường truyền luôn được nâng cấp hằng năm, sử dụng hệ thống bảo mật cao, việc cập nhật, lưu giữ để đảm bảo thông tin dữ liệu luôn sẵn sàng để sử dụng đáp ứng cho việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Đơn vị phụ trách đã quản lý và triển khai các nội dung tập huấn việc sử dụng phần mềm để giảng dạy trực tuyến, phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm QLĐT đến CB, GV, NV toàn trường.

Hệ thống CNTT được định kỳ sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và thay mới theo quy định do Phòng QLTS&CNTT phụ trách thông qua các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, các đề xuất mua sắm vật tư - thiết bị để thay thế và nâng cấp hệ thống hằng năm; định kỳ hoặc đột xuất khi có sự cố đều có nhân sự kịp thời xử lý đảm bảo hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường (kênh tiếp nhận phản ánh, ý kiến qua hộp thư điện tử: hotrokythuath@ufm.edu.vn).

Hàng năm, Trường có tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH, các BLQ, về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH của hệ thống CNTT. KQKS cho thấy có trên 85% GV, NH hài lòng về hạ tầng hệ thống CNTT (máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật).

b) Điểm tồn tại

Hệ thống wifi ở các tầng cao của khu học tập tại cơ sở Long Trường được NH

quan tâm nhiều.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Phòng cần rà soát, kiểm tra hệ thống wifi ở các tầng cao trong tòa nhà tại cơ sở Long Trường nhằm cải thiện tốt hơn hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

a) Điểm mạnh

Trường đã có ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật như Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử văn hoá (QĐ số 1850/QĐ-ĐHTCM ngày 31/7/2023), Quy định công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong Trường ĐHTCM (QĐ số 1034/QĐ-ĐHTCM ngày 28/5/2019). Kế hoạch xây dựng Trường đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh trật tự hằng năm. Nội quy về an ninh học đường, hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên Trường, giảng đường, phòng thực hành. Trường có tổ vệ sinh phục vụ công tác vệ sinh hằng ngày, chăm sóc cảnh quan, cây xanh tại các khu vực phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và khuôn viên trong trường. Tổ bảo vệ trường luôn đảm bảo an ninh trật tự trong toàn khuôn viên.

Quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được triển khai thực hiện một cách chi tiết: được công bố công khai và rộng rãi trên website, cẩm nang sinh viên; tại các hành lang trước cửa phòng thực hành, phòng làm việc và khu giảng đường đều được bố trí các bình chữa cháy; tổ chức Khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy (Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy hằng năm), diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn. Các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được giao cho các phòng/ban chức năng triển khai thực hiện. Trường có ban hành Quyết định thành lập Tổ tư vấn tâm lý, sức khỏe học đường trực thuộc Trung tâm y tế (QĐ số 1491/QĐ-ĐHTCM ngày 15/6/2023) và Quy định về công tác y tế học đường (QĐ số 1372/QĐ-ĐHTCM ngày 31/5/2023), bộ phận Y tế định kỳ hằng năm đều có Kế hoạch hoạt động khám sức khỏe sinh viên. Trường có liên kết với các đối tác để đảm bảo việc phục vụ và chăm lo sức khỏe GV, NV và NH.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã kiểm tra, tham quan cơ sở vật chất (CSV), hệ thống dịch vụ, cảnh quan môi trường của Trường cho thấy: Các dịch vụ y tế, hệ thống bảo vệ, cảnh quan môi trường và hệ thống an ninh của Trường đảm bảo an toàn. Việc lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ (CBQL, GV, NV) về môi trường, sức khỏe và an toàn phòng chống cháy nổ được thực hiện định kỳ hằng năm.

b) Điểm tồn tại

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn phòng chống cháy nổ chưa chi tiết và chưa thể hiện rõ sử dụng kết quả phân tích là cơ sở việc lập kế hoạch cải tiến cho đợt khảo sát sau.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ cần được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm sau.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Các phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và các công trình chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH.

Thư viện có các phòng chức năng, có các quy định và hướng dẫn liên quan đến hoạt động thư viện; có dữ liệu theo dõi, quản lý các hoạt động thư viện.

Trường có phân công đơn vị có trách nhiệm quản lý, bảo trì và nâng cấp các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và hệ thống hạ tầng CNTT.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong toàn trường được quy định và triển khai thực hiện.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Không gian sinh hoạt của các tổ bộ môn còn khiêm tốn.

Một số tài liệu giáo trình trong CTĐT được đánh giá có tại Thư viện có số đầu sách và số bản chưa đủ theo danh mục trong ĐCHP nhất là CTĐT phiên bản năm 2024.

Khoa chưa có phòng thực hành phiên tòa giả định và Trung tâm tư vấn luật.

Hệ thống wifi ở các tầng cao của khu học tập tại cơ sở Long Trường được NH quan tâm nhiều.

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn phòng chống cháy nổ chưa chi tiết và chưa thể hiện rõ sử dụng kết quả phân tích là cơ sở việc lập kế hoạch cải tiến cho đợt khảo sát sau.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường cần mở rộng phòng làm việc cho Trường đơn vị, mở rộng nơi sinh hoạt chuyên môn cho Tổ bộ môn.

Bổ sung số bản sách của một số tài liệu giáo trình trong CTĐT được đánh giá có tại Thư viện theo quy định, tăng cường thêm tài liệu số liên quan đến CTĐT.

Cần đầu tư mới phòng thực hành phiên tòa giả định, thành lập và triển khai Trung tâm tư vấn luật

Trường/Phòng cần rà soát, kiểm tra hệ thống wifi ở các tầng cao trong tòa nhà tại cơ sở Long Trường nhằm cải thiện tốt hơn hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, học tập.

Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ cần được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm sau.

Số tiêu chí đạt: 3/5; Số tiêu chí chưa đạt: 2/5 (Tiêu chí 9.2 và 9.3)

X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

1. Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

a) Điểm mạnh

Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu nguồn nhân lực khi rà soát, điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế vào các năm 2021, năm 2022 và năm 2024. Trường đã ban hành Quy chế về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021) với việc quy định các khoa chuyên ngành khảo sát GV về CTĐT, khảo sát cựu NH về chất lượng CTĐT, khảo sát doanh nghiệp về CTĐT và chất lượng của NHTN. Trường cũng ban hành Kế hoạch ĐBCLGD hằng năm (QĐ số 431/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 14/03/2023; số 3972/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 31/12/2024) xác định nội dung khảo sát, thời điểm, công cụ và hình thức lấy ý kiến của các BLQ.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được Khoa Kinh tế - Luật thu thập, xử lý và sử dụng để rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2021, 2022 và 2024. Theo kế hoạch ĐBCLGD của Trường, Trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng/Tổ rà soát,

đánh giá và cập nhật CTDH (số 1128/QĐ-ĐHTCM ngày 28/5/2021; số 191/QĐ-ĐHTCM ngày 29/01/2024). Khoa Kinh tế - Luật dựa trên Phiếu khảo sát có sẵn để thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ (GV, NTD, cựu NH) nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng và cải tiến CTDH. Khoa Kinh tế - Luật thu thập ý kiến của NTD bằng các hình thức tổ chức hội thảo, phỏng vấn trực tiếp, gửi bảng hỏi qua email. Nghiên cứu các Biên bản họp Khoa về việc phân công rà soát, điều chỉnh CTDH ngành Luật kinh tế từ 2020-2024 cho thấy Khoa đã tổ chức triển khai quy trình xây dựng, thẩm định và công bố mục tiêu, CDR CTĐT, CTDH. Khoa thu thập các thông tin về nhu cầu nhân lực của Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2020-2024, phân tích tình hình kinh tế, tình hình doanh nghiệp để dự báo nhu cầu tuyển dụng ngành Luật kinh tế. Thông tin thu thập được từ việc khảo sát, phỏng vấn các BLQ được Khoa tổng hợp và báo cáo cho tổ cập nhật, đánh giá, soạn thảo CTĐT làm cơ sở cho hoạt động rà soát, cải tiến CTDH. Khoa có báo cáo tổng hợp các nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH được thực hiện vào các năm 2021, 2022 và 2024 trên cơ sở ý kiến thu thập từ các BLQ.

b) Điểm tồn tại

Việc đóng góp ý kiến các BLQ để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý, thiếu sự phân tích chuyên sâu. Thông tin khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực từ các BLQ chưa nhiều, chưa thật hữu ích.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần có nhiều hình thức đóng góp ý kiến của các BLQ để xây dựng CDR và CTDH có sự phân tích chuyên môn sâu hơn. Rà soát, đánh giá hiệu quả, độ tin cậy của hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

a) Điểm mạnh

Dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT về việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT (theo Thông tư 17/2021), Trường đã ban hành Quy trình xây dựng CTĐT và đánh giá, cập nhật chỉnh sửa CTĐT (ban hành ngày 06/3/2020). Theo đó, lưu đồ Quy trình gồm có 10 bước và có biểu mẫu hướng dẫn kèm theo, gồm: (i) Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát, xác định nhu cầu sử

dụng của NTD đối với NHTN; kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp. (ii) Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT; (iii) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CDR; (iv) Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước; (v) Xây dựng ĐCCT các HP theo CTĐT đã xác định; (vi) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các BLQ về CTĐT; (vii) Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các BLQ; (viii) Thông qua Hội đồng xây dựng CTĐT; (ix) thông qua Hội đồng thẩm định CTĐT; (x) Trình Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và tư vấn cho Hiệu trưởng quyết định.

Trường đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến các BLQ về Quy trình hướng dẫn xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT HP vào năm 2021 (số 504/KH-ĐHTCM ngày 29/4/2021); năm 2022 (QĐ số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11/01/2022); và năm 2024 (Số 173/KH-ĐHTCM ngày 18/01/2024; số 746/KH-ĐHTCM ngày 22/03/2024). Đối tượng khảo sát lấy ý kiến là các chuyên gia, NTD, GV, cựu NH và NH. KQKS ý kiến các BLQ đã giúp Trường ban hành các mẫu phục vụ xây dựng CTĐT định hướng ứng dụng, trình độ đại học (QĐ số 1049/QĐ-ĐHTCM ngày 12/4/2022) với 16 biểu mẫu (mẫu phiếu khảo sát GV, NTD, NH và cựu NH về mục tiêu, CDR của CTĐT, ma trận kỹ năng, Bản mô tả CTĐT, CTĐT, Bảng đối sánh cấu trúc các HP của CTĐT...).

Dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT về việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT (theo Thông tư 17/2021), Trường đã cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Trường ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT; rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT tại Trường ĐHTCM (QĐ số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17/7/2024). Theo đó, tại Điều 12 - Xây dựng CTĐT gồm 08 bước: (i) Thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT; (ii) Khảo sát các BLQ (doanh nghiệp, GV, các BQL, cựu NH); (iii) Xây dựng dự thảo mục tiêu, CDR của CTĐT; (iv) Xây dựng khung CTĐT; (v) Đối sánh khung CTĐT với các CSGD trong và ngoài nước; (vi) Hoàn thiện Dự thảo CTĐT; (vii) Hội thảo lấy ý kiến về mục tiêu, CDR và khung CTĐT; và (viii) Thẩm định và ban hành CTĐT. Kèm theo Quy định là 13 Biểu mẫu, gồm: Đề xuất danh sách Hội đồng xây dựng/rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT; Đề xuất danh sách các tiểu ban rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT; Phiếu khảo sát các BLQ về năng lực của NH sau khi tốt nghiệp; CTĐT; Bảng đối sánh mục tiêu, CDR; Bảng đối sánh CTĐT; ĐCCT HP; Bảng tổng hợp ý kiến các BLQ về mục

tiêu, CDR và khung CTĐT; Phiếu góp ý của các BLQ về mục tiêu, CDR và khung CTĐT; Bản giải trình chỉnh sửa CTĐT sau thẩm định; Phiếu khảo sát các BLQ về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; và Các nội dung điều chỉnh mục tiêu, CDR và khung CTĐT.

b) Điểm tồn tại

Biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT còn đơn giản, chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường và Khoa cần tổ chức tập huấn các bước thực hiện quy trình xây dựng, rà soát CTĐT cho GV; hướng dẫn phân tích, đánh giá quy trình để hoàn thiện CTĐT.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 10.3. *Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.*

a) Điểm mạnh

Quá trình dạy và học CTDH ngành Luật kinh tế được rà soát và đánh giá thường xuyên thông qua các quy định do Trường ban hành, như: Quy định công tác tổ chức và thực hiện dự giờ và kế hoạch dự giờ (số 800/QĐ-ĐHTCM ngày 16/5/2018); Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ (số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021; số 142/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022); Quy chế KTĐG KQHT theo học chế tín chỉ; quy trình tổ chức chấm thi kết thúc HP; quy định về công tác KTĐG KQHT của NH (QĐ số 3447/QĐ-ĐHTCM ngày 30/12/2022); Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học cấp Trường “Đánh giá thực trạng và giải pháp về CTĐT gắn với CDR và kiểm định chất lượng quốc tế ở các trường đại học khối ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” với mục đích bảo đảm công tác thi được thực hiện nghiêm túc theo quy định, bảo đảm sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá KQHT của NH.

Trường chú trọng công tác lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy và KTĐG NH của GV; công tác lấy ý kiến NH được Phòng KT&QLCL thực hiện định kỳ theo từng học kỳ. Kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy và KTĐG của GV được Trường thông báo đến từng Khoa và từng GV để Khoa và GV có kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy và KTĐG. Khoa có tổ chức dự giờ, nhận xét, đánh giá phương

pháp dạy và học của GV.

b) Điểm tồn tại

Các hoạt động chuyên môn nhằm triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH và phương pháp đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR còn hạn chế. Phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT chưa thể hiện sự tương thích và phù hợp với CĐR.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần có nhiều hoạt động chuyên môn nhằm triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH và phương pháp đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, như: tổ chức các buổi họp thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá KQHT với CĐR; tổng hợp ý kiến đóng góp của các BLQ làm cơ sở cho việc đổi mới giảng dạy, KTĐG bảo đảm sự tương thích với CĐR của CTĐT.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

4. Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

a) Điểm mạnh

Trường ban hành các Quy chế hoạt động NCKH vào năm 2022 (Số 844/QĐ-ĐHTCM ngày 24/3/2022), trong đó khuyến khích GV đăng ký đề tài phục vụ công tác dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của Trường. Trong giai đoạn 2020-2024, GV Khoa Kinh tế - Luật ngành Luật kinh tế đã có 04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 51 bài báo khoa học được ứng dụng trong hoạt động dạy và học.

Các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành các chuyên đề giảng dạy trên lớp hoặc thông qua một số hình thức khác như tổ chức seminar, hội thảo, ngoại khóa, cập nhật, bổ sung nội dung các HP trong quá trình đào tạo, hướng dẫn NH làm NCKH. Chẳng hạn, kết quả nghiên cứu của đề tài NCKH cấp cơ sở “Pháp luật về quản lý thuế đối với mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam” được áp dụng vào giảng dạy các HP Luật Tài chính, Luật đầu tư, Luật Thương mại điện tử, Luật Lao động. Kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở “Áp dụng án lệ tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp” được áp dụng vào HP Luật Hiến pháp, Lý luận Nhà nước và pháp luật, Luật Tổ tụng dân sự. Kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở “Giáo dục thực hành luật - giải pháp phát

triển tại Trường ĐHTCM“ được áp dụng vào HP Thực hành nghề nghiệp, kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp. Đề tài “Bảo vệ quyền riêng tư đối với dữ liệu cá nhân trong môi trường Internet: Nghiên cứu ở Việt Nam“ được áp dụng cho HP Luật Hiến pháp, Luật Dân sự,

GV ngành Luật kinh tế có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập của NH thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các buổi trao đổi học thuật để cập nhật tài liệu giảng dạy cho các HP thuộc CTĐT, GV hướng dẫn NH thực hiện các đề tài NCKH.

b) Điểm tồn tại

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV còn chưa đa dạng.

Trong chu kỳ đánh giá 2020 - 2024, đề tài NCKH của GV ngành Luật kinh tế còn hạn chế về số lượng và chỉ có NCKH ở cấp Trường.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động dạy và học.

Trường/Khoa cần có biện pháp khuyến khích GV ngành Luật kinh tế tham gia làm đề tài NCKH các cấp để cải tiến nội dung và PPGD, cũng như hoạt động học tập của NH.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

a) Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường được bảo đảm bằng việc ban hành các văn bản quy định về công tác ĐBCLGD (QĐ số 203/QĐ-ĐHTCM ngày 15/01/2019) và Quy định khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD (QĐ số 1959/QĐ-ĐHTCM ngày 18/9/2019) và Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021). Với mục đích giúp lãnh đạo Trường có cơ sở để nhận xét, đánh giá hiệu quả công tác quản lý để có kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Trong giai đoạn đánh giá, Trường định kỳ hằng năm ban hành Kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ về các

hoạt động của Trường (số 431/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 14/3/2023; số 3972/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 31/12/2024). Theo đó, Thư viện được giao nhiệm vụ thu thập ý kiến các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện. Phòng KT&QLCL được giao nhiệm vụ khảo sát NH, GV, cán bộ viên chức về chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo.

Trong giai đoạn đánh giá năm 2020 - 2024, Phòng KT&QLCL và Thư viện đã khảo sát ý kiến các BLQ (NH, GV, cán bộ viên chức) về mức độ đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua bảng khảo sát chung về: (i) Dịch vụ thư viện (nhu cầu về tài liệu học tập, không gian phòng đọc, dịch vụ thư viện số); (ii) CSVC và trang thiết bị tại các phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy); (iii) Hệ thống CNTT (máy tính, internet, wifi); (iv) Các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, NV; (v) Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe. Mỗi năm học, Phòng KT&QLCL đều có Báo cáo tổng hợp KQKS sự hài lòng của các BLQ về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của Trường. Ngoài ra, việc đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích còn được thực hiện thông qua các phiên họp lớp với GVCN; đối thoại giữa NH với lãnh đạo Khoa/Trường; họp giao ban về công tác NH được thực hiện định kỳ.

Những cải tiến đối với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá trong “Báo cáo cải tiến giữa chu kỳ kiểm định chất lượng 2018-2022” là cơ sở để Trường đánh giá kết quả thực hiện việc tiếp thu ý kiến góp ý, giám sát của các BLQ về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Các phản ánh của các BLQ và đề xuất của các đơn vị đều được Trường xem xét cải tiến. Qua nghiên cứu minh chứng và quan sát thực tiễn cho thấy các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường được cải tiến theo từng năm và ngày càng tốt hơn. Các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm được cải tạo, bảo trì, sửa chữa/thay mới theo đề xuất của các đơn vị; chất lượng CSVC, hệ thống máy tính, máy lạnh, máy chiếu tại các không gian giảng dạy và học tập được cải tiến và bảo trì định kỳ. Báo cáo KQKS ý kiến của Phòng KT&QLCL cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được cải thiện theo từng năm trong giai đoạn đánh giá. KQKS ý kiến năm 2021 với các hoạt động hỗ trợ có 88,9% NH hài lòng; năm 2022 có 90,9% NH hài lòng; năm 2023 có 92,1% NH hài lòng và năm 2024 có 91,4% NH hài lòng.

b) Điểm tồn tại

Việc đánh giá các dịch vụ hỗ trợ NH (tư vấn NH, hoạt động hướng nghiệp) còn hạn chế.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần sớm điều chỉnh, bổ sung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH như tư vấn NH, hoạt động hướng nghiệp.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

6. Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

a) Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ được thiết lập có tính hệ thống về các quy định, hướng dẫn thực hiện, quy trình thực hiện và các mẫu phiếu khảo sát ý kiến; với sự phân nhiệm cho các đơn vị chức năng, các đơn vị đào tạo, được quy định trong các văn bản do Trường ban hành: (i) Chức năng nhiệm vụ của Phòng KT&QLCL được xác định thông qua Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHTCM (QĐ số 1532/QĐ-ĐHTCM ngày 14/6/2022). (ii) Quy định về công tác ĐBCLGD năm 2019 (QĐ số 203/QĐ-ĐHTCM ngày 15/01/2019) và Quy định khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD vào năm 2019 (QĐ số 1959/QĐ-ĐHTCM ngày 18/9/2019). (iii) Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021) với việc phân định rõ cấu trúc của Hệ thống ĐBCLGD bên trong tại Trường, gồm: Hội đồng Trường, Lãnh đạo Trường, Hội đồng ĐBCLGD của Trường, Phòng KT&QLCL, các Phòng/Trung tâm thuộc Trường, các Viện đào tạo, các khoa chuyên môn, tổ chuyên trách về ĐBCL của Trường, tổ ĐBCLGD tại các đơn vị Phòng/Trung tâm, Viện/Khoa; tổ chức về Đảng, Đoàn thể, Công đoàn. Quy chế cũng xác định hình thức triển khai giám sát công việc ĐBCLGD của các đơn vị thuộc Trường. (iv) Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong có quy định các hoạt động khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD đồng thời quy chế quy định Danh mục 16 hoạt động khảo sát. Phòng KT&QLCL là đầu mối chuyên trách trong công tác giám sát hoạt động khảo sát các BLQ. Phòng còn có nhiệm vụ thực hiện 04 loại khảo sát: Giảng dạy của GV, chất lượng khóa học, chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo (đánh giá chéo tất cả các đơn vị chức năng), khảo sát

tình hình việc làm của NH hệ chính quy. Các Khoa chuyên ngành được phân công phụ trách 03 khảo sát (Khảo sát GV về CTĐT, khảo sát cựu NH về CTĐT, khảo sát doanh nghiệp về CTĐT và chất lượng của NHTN). Viện Đào tạo sau đại học và Viện Đào tạo thường xuyên phụ trách khảo sát học viên sau đại học (Khảo sát hoạt động giảng dạy tại Viện; khảo sát chất lượng khóa học; khảo sát cựu NH về chất lượng CTĐT, tình hình việc làm và thu nhập; khảo sát NTD về chất lượng cựu học viên đang làm việc tại doanh nghiệp). (v) Trường ban hành Kế hoạch triển khai công tác ĐBCLGD (số 431/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 14/3/2023; số 3972/KH-ĐHTCM-KTQLCL ngày 31/12/2024) với các nhiệm vụ ĐBCLGD được lên kế hoạch, như: Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng CSGD; công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT; công tác ĐBCL bên trong; công tác khảo sát; công tác đánh giá giờ giảng qua dự giờ; công tác tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; tham gia mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA).

Nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn lãnh đạo các phòng chức năng cho thấy Trường có tổ chức họp rà soát, phân tích, đánh giá các quy trình lấy ý kiến các BLQ (Quy trình NTD đánh giá chất lượng NHTN; Quy trình NH đánh giá chất lượng cách dịch vụ hỗ trợ và tiện ích; Quy trình cựu NH đánh giá về chất lượng CTĐT; Quy trình khảo sát NH về CTĐT), hiệu quả các cuộc khảo sát, các số liệu thống kê và các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ. Đồng thời Trường cũng xem xét việc thực hiện kế hoạch cải tiến của các đơn vị, nhất là những đơn vị thực hiện cải tiến giữa chu kỳ kiểm định chất lượng các CTĐT.

Trên cơ sở kết quả rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ, Trường tổ chức các cuộc họp rút kinh nghiệm, điều chỉnh và ban hành Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021) thay thế cho Quy định về công tác ĐBCLGD năm 2019 (QĐ số 203/QĐ-ĐHTCM ngày 15/01/2019) và Quy định khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD vào năm 2019 (QĐ số 1959/QĐ-ĐHTCM ngày 18/9/2019). Một số cải tiến trong quy chế mới bao gồm: (i) Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân, đơn vị thuộc Trường trong công tác ĐBCLGD của Trường với việc xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng ĐBCLGD; (ii) Trường giao cho Phòng KT&QLCL nhiều quyền hạn hơn, là đơn vị đầu mối trong việc phối hợp với các đơn vị triển khai hoạt động ĐBCLGD, là đơn vị chủ trì việc xây dựng các quy trình về ĐBCLGD, vận hành hệ thống ĐBCLGD bên trong, tham mưu cho lãnh đạo

Trường các biện pháp, kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Điểm tồn tại

Các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ chưa được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Phân công trách nhiệm giữa các đơn vị thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến các BLQ chưa rõ ràng. Chẳng hạn, Phòng TS-TT&QHDN có nhiệm vụ khảo sát ý kiến của NTD (từ năm 2021 đến nay) nhưng không thấy phân công nhiệm vụ trong Quy chế ĐBCLGD.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần rà soát các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong Quy chế ĐBCLGD để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Rà soát và điều chỉnh việc phân công trách nhiệm giữa các đơn vị trong việc thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến các BLQ.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường đã có hệ thống thu thập thông tin phản hồi về nhu cầu của các BLQ phục vụ xây dựng, cập nhật CTDH và đã triển khai thực hiện. Quy trình/hướng dẫn thiết kế và phát triển CTDH được cải tiến phù hợp với yêu cầu về việc đánh giá và cải tiến chất lượng CTĐT. Đội ngũ GV thực hiện CTĐT có nhiều công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, có kết quả được sử dụng cho hoạt động dạy và học. Có Quy định khảo sát ý kiến các BLQ và thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Thông tin khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực từ các BLQ chưa nhiều, chưa thật hữu ích. Biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhật CTĐT còn đơn giản, chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Các hoạt động chuyên môn nhằm triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH và phương pháp đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR còn hạn chế. Phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT chưa thể hiện sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV còn chưa đa dạng. Việc đánh giá các dịch vụ hỗ trợ NH (tư vấn NH, hoạt động hướng nghiệp) còn hạn chế.

Các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ chưa được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Trường/Khoa cần rà soát, đánh giá hiệu quả, độ tin cậy của hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ. Cần tổ chức tập huấn các bước thực hiện quy trình xây dựng, rà soát CTDH cho GV; hướng dẫn phân tích, đánh giá quy trình để hoàn thiện CTDH. Khoa cần có nhiều hoạt động chuyên môn nhằm triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH và phương pháp đánh giá KQHT của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Tăng cường tổ chức hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, ... để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động dạy và học. Cần sớm điều chỉnh, bổ sung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH như tư vấn NH, hoạt động hướng nghiệp. Trường cần rà soát các bước thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong Quy chế ĐBCLGD để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Số tiêu chí đạt: 5/6; Số tiêu chí chưa đạt: 1/6 (Tiêu chí 10.3)

XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

1. Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

CTĐT ngành Luật kinh tế trình độ đại học hệ chính quy tại Trường ĐHTCM được bắt đầu đào tạo khóa I năm 2021; thời gian thiết kế cho các khóa nhập học từ năm 2021 đến nay là 3,5 năm (mỗi năm học 3 học kỳ chính khóa). Tại thời điểm khảo sát, CTĐT ngành Luật kinh tế đã có 01 niên khóa NHTN (niên khóa 2021-2024). Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập thông qua hệ thống phần mềm QLĐT UIS, qua sự quản lý của Phòng QLĐT. Phòng QLĐT có bộ phận chuyên trách thống kê biến động NH, cập nhật danh sách NH chuyển ngành, bảo lưu, chuyển trường, thôi học. Hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý dữ liệu NH, tạo điều kiện cho việc giám sát và đối sánh tỷ lệ qua các năm.

Tỷ lệ NH thôi học, tốt nghiệp đúng hạn hằng năm đều được Phòng QLĐT tổng hợp, phân tích, đánh giá. Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng QLĐT thống kê KQHT của NH, danh sách NH thôi học, tốt nghiệp thông qua phần mềm QLĐT. Phòng QLĐT có trách nhiệm kiểm tra và trình Hiệu trưởng ký duyệt quyết định công nhận tốt nghiệp hoặc ban hành Quyết định buộc thôi học (QĐ số 616/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 13/3/2023; số 1749/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 19/7/2023; số 2628/QĐ-ĐHTCM-QLĐT

ngày 04/10/2024). Kết quả phỏng vấn và nghiên cứu minh chứng cho thấy Phòng CTSV và Khoa Kinh tế - Luật dựa trên dữ liệu do Phòng QLĐT cung cấp để phân tích, đánh giá và đề ra các giải pháp hỗ trợ NH thôi học và tốt nghiệp. Một số nguyên nhân làm NH chậm tốt nghiệp là chưa hoàn thành một số HP trong CTĐT.

Khóa tuyển sinh năm 2021 là khóa đào tạo đầu tiên của ngành Luật kinh tế với 51 NH nhập học. Theo kết quả công nhận tốt nghiệp tại Quyết định số 297/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 19/02/2025 cho thấy có 29/55 (tương đương 52,72%) đủ điều kiện tốt nghiệp, và 23/55 NH (tương đương 41,82%) chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp, gồm: 16 NH chưa đạt CĐR về tiếng Anh, 07 NH chưa đạt CĐR về tin học và 02 NH chưa đạt CĐR về kỹ năng phần mềm.

Bảng 11.1. Thống kê tỉ lệ NHTN đúng hạn, thôi học ngành Luật kinh tế

Niên khóa	Số lượng nhập học	NH thôi học	Tỉ lệ NH thôi học/ nhập học (%)	NHTN đúng hạn và sớm (3,5 năm)	NH TN trễ hạn 1 năm	Tổng số NH TN sau 7 năm	Tỉ lệ NHTN đúng hạn/số NH nhập học (%)
2021-2024	55	3	5,45	29	-	-	52,73
2022-2025	49	1	2,04	-	-	-	-
2023-2026	55	0	0	-	-	-	-
2024-2027	84	1	1,19	-	-	-	-

Phòng QLĐT và Khoa Kinh tế - Luật có theo dõi và lập bảng thống kê số lượng NH các năm trong thời gian được phép kéo dài; và có lập bảng đối sánh tỉ lệ NH thôi học và NHTN với các CTĐT trong Trường (CTĐT ngành Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, Quản trị khách sạn, Quản trị lễ hành, Quản trị Marketing).

b) Điểm tồn tại

Trong giai đoạn đánh giá 2021-2025, tỉ lệ thôi học của ngành Luật kinh tế thấp; tỉ lệ NHTN đúng hạn chỉ ở mức trung bình (52,73%). Điều này cho thấy mặc dù Trường và Khoa Kinh tế - Luật có thực hiện đánh giá, phân tích, giám sát, đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp nhưng tỉ lệ NHTN chưa được cải tiến.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần xác định rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thôi học của từng trường hợp NH; đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ NH và có giải pháp phù hợp hơn để

giúp cải thiện tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ NHTN đúng hạn .

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường ĐHTCM được ban hành năm 2021 (QĐ số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021). Theo đó, quy định thời gian đào tạo chuẩn của một khóa học trình độ đại học chính quy từ 3 đến 4 năm (tại mục a, Khoản 1, Điều 8 của Quy chế đào tạo đại học). Thời gian học tập tối đa để NH hoàn thành CTĐT đối với hình thức đào tạo chính quy là 07 năm học tính từ thời điểm NH nhập học (tại Mục c, Khoản 1, Điều 8 của Quy chế đào tạo).

Phòng QLĐT phối hợp với Khoa Kinh tế - Luật theo dõi, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo thống kê số lượng NHTN từng năm đối với mỗi khóa học. Tại thời điểm khảo sát, CTĐT ngành Luật kinh tế đã có 01 niên khóa NHTN (niên khóa 2021-2024). Vì cuối năm 2024 mới có NHTN nên thời gian tốt nghiệp trung bình (TNTB) (được tính theo thời gian học tập tối đa theo Quy chế đào tạo của Trường là 07 năm) của niên khóa 2021-2024 chỉ là dự báo. Như vậy, tại thời điểm đánh giá, chỉ có 29/55 NHTN đúng hạn với thời gian học là 3,5 năm; 23/55 NH còn lại được dự báo học hết 07 năm mới tốt nghiệp. Theo cách tính này, thời gian TNTB của niên khóa 2021-2024 là 5,05 năm. Phòng QLĐT và Khoa Kinh tế - Luật có theo dõi và lập bảng đối sánh thời gian TNTB của NH ngành Luật kinh tế với các CTĐT khác của Trường (CTĐT ngành Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án, Quản trị khách sạn, Quản trị lữ hành, Quản trị Marketing). Nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn cho thấy Trường và Khoa Kinh tế - Luật có các buổi họp tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thời gian TNTB của NH ngành Luật kinh tế. Trường và Khoa triển khai công tác CVHT theo từng năm học, CVHT tư vấn NH xây dựng kế hoạch học tập phù hợp và hỗ trợ NH; hướng dẫn NH thực hiện các quy chế, quy định về đào tạo; giải quyết các thủ tục hành chính, quy định về học bổng và khen thưởng NH.

b) Điểm tồn tại

Chưa tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của CVHT trong việc hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của CVHT trong việc hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&QLCL chủ trì và phối hợp với Phòng TS-TT&QHDN thực hiện tình hình NH có việc làm, phản hồi của cựu NH và doanh nghiệp. Đồng thời, theo Kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động của Trường hằng năm, Phòng TS-TT&QHDN tổ chức khảo sát tình hình việc làm của cựu NH sau khi tốt nghiệp 6 tháng và 01 năm, phân tích số liệu và viết báo cáo KQKS trình Ban Giám hiệu.

Hằng năm, thực hiện Quy định hoạt động khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD Trường ĐHTCM tại Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021), Trường ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi các BLQ. Theo đó, kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ có khảo sát tình hình việc làm của cựu NH ngành Luật kinh tế sau khi tốt nghiệp 1 năm. Tuy nhiên, ngành Luật kinh tế vừa mới có NHTN vào cuối năm 2024 đầu năm 2025 nên chưa có số liệu thống kê về tình hình việc làm của NHTN ngành Luật kinh tế vào năm 2024.

Phòng TS-TT&QHDN có chức năng hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm, đồng thời theo dõi tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp; tạo mối quan hệ với các doanh nghiệp, làm cầu nối tuyển dụng giữa doanh nghiệp với NH; tổ chức ngày hội việc làm và đăng thông tin tuyển dụng qua các trang mạng xã hội. Khoa Kinh tế - Luật đã xây dựng chuyên trang hỗ trợ NH tìm việc làm, khởi nghiệp.

Trong đợt khảo sát chính thức, Đoàn ĐGN đã khảo sát qua Google Form tình hình việc làm của NHTN ngành Luật kinh tế và qua phỏng vấn một số NHTN ngành Luật kinh tế cho thấy tại thời điểm khảo sát có 53,8% NHTN có việc làm và 53,8% NHTN làm đúng chuyên môn được đào tạo. Mức lương từ 3 - 8 triệu đồng/tháng, mức lương trung bình là 5,5 triệu đồng/tháng.

b) Điểm tồn tại

Chức năng của Phòng TS-TT&QHĐN trong công tác xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ NHTN chưa được Trường quy định rõ.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần quy định rõ chức năng của Phòng TS-TT&QHĐN trong công tác xác lập, giám sát và đối sánh tỉ lệ NHTN.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

4. Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của NH được quy định tại Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHTCM (QĐ số 2648/QĐ-ĐHTCM ngày 19/12/2019; số 845/QĐ-ĐHTCM ngày 24/3/2022). Theo các văn bản này, Trường đã quy định hoạt động NCKH của NH bao gồm: Thực hiện đề tài NCKH của NH, tham gia hội nghị NCKH của NH, tham gia giải thưởng KHCN dành cho NH trong CSGD của Bộ GD&ĐT, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn. Bên cạnh đó, Trường quy định rõ nguồn kinh phí dành cho hoạt động NCKH của NH (từ nguồn kinh phí của Trường; tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; và huy động từ các nguồn hợp pháp khác). Quản lý hoạt động NCKH của NH quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng về quản lý hoạt động NCKH của NH; trách nhiệm của các đơn vị về quản lý hoạt động NCKH, như: các Khoa/Bộ môn phối hợp với Phòng/ban chuyên môn để tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học sinh viên và các hình thức hoạt động khoa học khác, tổng kết đánh giá phong trào NCKH của NH tại Khoa; và xét, đề nghị khen thưởng NH và GV có nhiều thành tích đóng góp cho công tác NCKH của NH hằng năm. Phòng QLKH&HTQT tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng quy định về quản lý hoạt động NCKH của NH; phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch, thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả NCKH của NH, báo cáo các hoạt động NCKH của NH cho BGH, xuất bản các tập san, thông báo khoa học, kỷ yếu đề tài NCKH của NH.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH ngành Luật kinh tế được giám sát ở cấp Trường và Khoa/GV. Ở cấp Trường có Phòng QLKH&HTQT là đơn vị

quản lý hoạt động NCKH của NH. Tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên trong việc: Thực hiện đề tài NCKH của sinh viên; Tổ chức đánh giá đề tài NCKH của sinh viên; Tổ chức hội nghị NCKH của sinh viên; Tổ chức giới thiệu kết quả NCKH của sinh viên; Tổ chức hoạt động thông tin KHCN của sinh viên. Vai trò của GV trong việc tổ chức hoặc tham gia hội thảo khoa học các cấp, tọa đàm, sinh hoạt chuyên môn để phổ biến và cập nhật kiến thức cho NH; xây dựng các hội nghị NCKH của NH; tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp NCKH cho NH, các hội thi sáng tạo, hội thi Olympic ... để NH tự đào sâu NCKH nhằm biến quá trình đào tạo thành tự quá trình tự đào tạo. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho NH tham gia NCKH. Kinh phí dành cho NCKH NH toàn trường: năm 2019 là 5.302 tỉ đồng; năm 2020 là 8.552 tỉ đồng; năm 2021 là 12.613 tỉ đồng; năm 2022 là 15.383 tỉ đồng; năm 2023 là 15.387 tỉ đồng; năm 2024 là 14.661 tỉ đồng. Tổng cộng trong giai đoạn đánh giá, kinh phí dành cho NCKH NH toàn trường là 14.661 tỉ đồng (chiếm 4% tổng mức chi toàn trường).

Trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên cũng quy định Quyền lợi của GV hướng dẫn NH làm NCKH và kinh phí dành cho đề tài NCKH của NH. Hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ và công bố là do GV trực tiếp hướng dẫn. Khoa và Phòng QLKH&HTQT có nhiệm vụ giám sát thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá 2020-2024, NH ngành Luật kinh tế có 06 đề tài NCKH cấp Trường của NH ngành Luật kinh tế, được bảo vệ năm 2024; có 02 bài báo đăng trên tạp chí Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Các đề tài NCKH gồm có: Pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử trong lĩnh vực mua bán hàng hóa tại Việt Nam (Đề tài nghiên cứu Pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử trong lĩnh vực mua bán hàng hóa tại Việt Nam đưa ra các giải pháp cho những vấn đề pháp lý trên thực tế); Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Đề tài nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh); Thực hiện pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, qua thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh (Đề tài nghiên cứu về thực hiện pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc, qua thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh); Đề xuất khung pháp lý về chuyển đổi giới tính ở Việt Nam (Đề tài nghiên cứu lý luận, pháp luật một số quốc gia từ đó Đề xuất khung pháp lý về chuyển đổi giới tính ở Việt Nam); Pháp luật về lao động cho thuê lại ở nước ta hiện nay; Thực tiễn trong vấn đề áp dụng pháp luật

để áp dụng pháp luật để xác định lại giới tính ở Việt Nam (Đề tài nghiên cứu các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam liên quan đến quyền xác định lại giới tính của cá nhân. Đồng thời, đề tài nghiên cứu đã đi sâu vào phân tích thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về quyền xác định lại giới tính trong thực tế. Từ đó, đề xuất các giải pháp và khuyến nghị nhằm cải thiện và hoàn thiện pháp luật liên quan đến quyền xác định lại giới tính).

Khoa Kinh tế - Luật có thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH theo các năm học và giữa các CTĐT trong Trường, như ngành Marketing, ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - ngân hàng, Thuế - Hải quan, Thương mại, Du lịch, CNTT. Có đối sánh hoạt động NCKH của NH ngành Luật kinh tế với Học viện Ngân hàng.

Hàng năm, Khoa Kinh tế - Luật tổng kết hoạt động NCKH của NH và có đề xuất với Trường cải tiến hoạt động NCKH của NH, tăng kinh phí thực hiện đề tài NCKH của NH để NH có đủ kinh phí thực hiện các đề tài phù hợp với yêu cầu phát triển của thời đại và phù hợp với khả năng của NH.

b) Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của NH ngành Luật kinh tế còn hạn chế về số lượng NH tham gia làm NCKH và loại hình nghiên cứu (hạn chế về các công bố khoa học, chưa có dự án khởi nghiệp).

Việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH ngành Luật kinh tế với NH cùng ngành của trường đại học khác còn hạn chế về nội dung đối sánh và số lượng đối sánh.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần có biện pháp khuyến khích NH ngành Luật kinh tế tham gia hoạt động NCKH, các loại hình nghiên cứu dành cho NH, như: các dự án khởi nghiệp, các hội thảo khoa học, các cuộc thi hoặc công bố khoa học trên tạp chí.

Cần thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH ngành Luật kinh tế với các trường ĐH khác trong nước có cùng ngành đào tạo.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát

và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy định về công tác ĐBCLGD năm 2019 (QĐ số 203/QĐ-ĐHTCM ngày 15/01/2019) và Quy định khảo sát các BLQ phục vụ công tác tự đánh giá và KĐCLGD vào năm 2019 (QĐ số 1959/QĐ-ĐHTCM ngày 18/9/2019) và Quy chế về công tác ĐBCLGD bên trong năm 2021 (QĐ số 03/QĐ-ĐHTCM ngày 05/01/2021). Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT&QLCL chủ trì và phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát ý kiến và đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ về các hoạt động của Trường. Hằng năm, Trường có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các nhóm đối tượng từ các mẫu phiếu khảo sát như: (i) Khảo sát hoạt động giảng dạy của GV; (ii) Khảo sát chất lượng các khóa học; (iii) Khảo sát GV-CBVC về chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo; (iv) Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên hệ chính quy tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ ĐH đã tốt nghiệp từ 6 tháng đến 12 tháng; (v) Khảo sát hiệu quả và chất lượng phục vụ của Thư viện; (vi) Khảo sát sự hài lòng của GV-CBVC về các chế độ, chính sách, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của Trường. Phòng KT&QLCL có nhiệm vụ trực tiếp thực hiện 03 khảo sát, gồm: Khảo sát hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát chất lượng các khóa học; Khảo sát GV-CBVC về chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo. Phòng TS-TT&QHDN có nhiệm vụ khảo sát tình hình việc làm của NH hệ chính quy tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học đã tốt nghiệp từ 6 tháng đến 12 tháng. Đơn vị nào phụ trách khảo sát nào thì có nhiệm vụ viết báo cáo, phân tích KQKS và viết báo cáo trình lãnh đạo Trường và gửi kết quả về cho các đơn vị trong Trường.

Mức độ hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy của GV được so sánh theo năm học, so sánh KQKS giữa các Khoa và ngành trong Trường. Khảo sát ý kiến viên chức, người lao động về môi trường làm việc năm 2024 - khảo sát vào tháng 10/2024 - có báo cáo KQKS vào tháng 01/2025. Nội dung khảo sát về 09 tiêu chí (Chính sách và quy trình làm việc, Lương và phúc lợi, Đào tạo và cơ hội thăng tiến, Cấp quản lý trực tiếp, đồng nghiệp, điều kiện và công tác hỗ trợ giảng dạy/nghiên cứu/làm việc, Mức độ hài lòng về chất lượng phục vụ của các đơn vị trong Trường, Xây dựng văn hóa và môi trường làm việc, và Mức độ hài lòng về môi trường làm việc).

Kết quả nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn các BLQ cho thấy Khoa Kinh tế - Luật và các đơn vị liên quan có nhận được báo cáo KQKS ý kiến về mức độ hài lòng

của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV do Phòng KT&QLCL gửi và báo cáo KQKS ý kiến về tình hình việc làm của NHTN, báo cáo khảo sát hiệu quả và chất lượng phục vụ của Thư viện... Những báo cáo KQKS được gửi về các đơn vị trong trường để cải tiến hoạt động đào tạo, NCKH. Các đơn vị Báo cáo hoạt động cải tiến trong báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của đơn vị. Đối với cấp trường, hoạt động cải tiến được xác lập thông qua phương hướng năm học tại Hội nghị viên chức hằng năm và được triển khai thành kế hoạch hằng tháng.

b) Điểm tồn tại

Trường chưa có cơ sở dữ liệu dùng chung để liên thông việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ. Phòng KT&QLCL chỉ quản lý 03 khảo sát (Khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, Khảo sát chất lượng khóa học, Khảo sát GV-CBVC về chất lượng dịch vụ của các đơn vị phục vụ đào tạo) và Phòng TS-TT&QHDN khảo sát tình hình việc làm của NH hệ chính quy tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học đã tốt nghiệp từ 6 tháng đến 12 tháng. Các khảo sát khác được giao cho các đơn vị khác trong Trường thực hiện nhưng không chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung. Chính vì vậy đã dẫn đến những bất cập trong công tác cải tiến chất lượng các hoạt động trong Trường.

Chưa có đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế với CTĐT tương ứng ngoài Trường.

Chưa có quy định rõ ràng trong việc giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

c) Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần thiết lập cơ sở dữ liệu chung để liên thông việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ.

Cần đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ thuộc CTĐT ngành Luật kinh tế với CTĐT tương ứng ngoài Trường làm căn cứ để đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Cần có quy định rõ ràng trong việc giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

d) Những điểm chưa rõ: Không

đ) Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11

Điểm mạnh cơ bản của chương trình đào tạo

Trường có hệ thống QLĐT hỗ trợ theo dõi được NH đầu vào, đầu ra; tỉ lệ thôi học,

tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn; thời gian TNTB. Tỷ lệ thôi học, bỏ học thấp. Có tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn và có các giải pháp hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo. Trường có bộ phận thống kê tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp. Có ban hành Quy định về hoạt động NCKH của NH và xác định các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH. Đã xác lập được mức độ hài lòng của NH, cựu NH, GV, NV của toàn trường và được đối sánh giữa các năm, giữa các ngành trong Trường.

Điểm tồn tại cơ bản của chương trình đào tạo

Chưa đối sánh các kết quả đầu ra của CTĐT, hoạt động NCKH của NH với các CTĐT trong các trường đại học cùng nhóm (trong/ngoài nước) tương thích với tầm nhìn để có giải pháp cải tiến. Chưa đối sánh KQKS mức độ hài lòng của các BLQ với các CTĐT khác trong Trường và ngoài Trường. Chưa có quy định rõ ràng trong việc giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến dựa trên KQKS mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

Kiến nghị đối với chương trình đào tạo

Đối sánh các kết quả đầu ra của CTĐT, hoạt động NCKH của NH với các CTĐT trong các trường đại học cùng nhóm ngành (trong/ngoài nước) tương thích với tầm nhìn để có giải pháp cải tiến. Cần đối sánh KQKS mức độ hài lòng của các BLQ với các CTĐT khác trong Trường và ngoài Trường. Cần có quy định rõ ràng trong việc giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến dựa trên KQKS mức độ hài lòng của tất cả các BLQ.

Số tiêu chí đạt: 5/5; Số tiêu chí chưa đạt: 0/5

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Đoàn Đánh giá ngoài đã thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing như sau:

Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 45/50 tiêu chí, mức trung bình là 4,00, tỉ lệ đạt yêu cầu 90,00%, không có tiêu chuẩn nào có tỉ lệ tiêu chí đạt dưới 50%.

Đã có 01 khóa người học tốt nghiệp.

Thực hiện theo Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì chương trình đào tạo trình độ đại học; Khoản 1 (đã có ít nhất một khóa người học tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá) và Khoản 4 (chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu) chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing, giai đoạn 2020-2024, đủ điều kiện xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

II. Kiến nghị

Trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo ĐGN để sớm xây dựng kế hoạch và thực hiện ngay những giải pháp cải tiến cụ thể, khả thi và phù hợp với thực tế.

Đề nghị Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn sử dụng Báo cáo ĐGN này để thực hiện các bước tiếp theo của quy trình KĐCLGD và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cho CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

PHẦN IV

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Trường Đại học Tài chính - Marketing và Khoa Luật kinh tế

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing

Phụ lục 4. Lịch trình ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing

Phụ lục 5. Phản hồi của Trường Đại học Tài chính - Marketing về dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế

Phụ lục 6. Văn bản của Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn gửi Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN

Phụ lục 1

GIỚI THIỆU TÓM TẮT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING VÀ KHOA KINH TẾ - LUẬT

1. Giới thiệu về Trường Đại học Tài chính – Marketing

1.1. Khái quát về Trường Đại học Tài chính - Marketing

Tiền thân là Trường cán bộ vật giá Trung ương miền Nam, trải qua các giai đoạn phát triển, đến năm 2004 Trường được nâng cấp thành Trường đại học bán công Marketing; đến năm 2009 đổi tên thành Trường đại học Tài chính - Marketing. Tháng 3 năm 2015, Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015 - 2017 theo Nghị quyết số 77-NQ/CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ (tại Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23/3/2015). Đến tháng 8 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04/8/2017 sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Hiện nay, Trường Đại học Tài chính - Marketing là một cơ sở GDĐH công lập được giao quyền tự chủ toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của Luật GDĐH năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Sứ mạng: Trường ĐHTCM đào tạo nguồn nhân lực theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh doanh và quản lý, tham gia hoạch định chiến lược và chính sách cho ngành Tài chính, các DN và tổ chức xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐHTCM trở thành một trường ĐH đa ngành, đa cấp độ và là một trung tâm nghiên cứu - tư vấn về kinh doanh và quản lý đạt đẳng cấp quốc gia và khu vực.

Các giá trị cốt lõi:

(1) *Trọng giá trị tri thức và thượng tôn đạo đức nghề nghiệp:* Xây dựng môi trường giáo dục, khoa học - công nghệ sáng tạo, biết phát huy giá trị tri thức phục vụ đào tạo những con người vừa có năng lực chuyên môn cao, vừa là công dân có trách nhiệm.

(2) *Khuyến khích sáng tạo và nuôi dưỡng sự say mê:* Trường ĐHTCM là một môi trường khuyến khích sáng tạo và đổi mới; là nơi nuôi dưỡng niềm say mê của các thế hệ GV, cán bộ, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh (NCS). Đó là nền tảng đổi mới và tạo ra tạo những đột phá để khẳng định thương hiệu của Trường.

(3) *Tôn trọng sự khác biệt và coi trọng hợp tác*: Sự cộng hưởng của sức mạnh hợp tác với sự khác biệt giúp Trường ĐHTCM gắn kết mọi thành viên theo mục tiêu chung, tạo nên hợp lực mạnh mẽ nhất. Trường đề cao và tôn trọng tính tự chủ học thuật.

(4) *Coi trọng chất lượng và hiệu quả*: Chất lượng - hiệu quả vừa là con đường, vừa là mục tiêu phấn đấu để trường ĐHTCM đạt đến tầm quốc gia và khu vực. Chất lượng và hiệu quả được thể hiện trong mọi mặt hoạt động của Trường, trong mọi đơn vị của Trường.

Chiến lược tổng thể của Trường Đại học Tài chính - Marketing đến năm 2030:

(1) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động quan trọng* là đào tạo đại học, sau đại học và đẩy mạnh NCKH đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tập trung đầu tư cho 07 chuyên ngành (Tài chính doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị dự án và Thẩm định giá) để nhóm này sớm đạt chuẩn top 200 khu vực vào năm 2025.

(2) *Thực hiện sự khác biệt hóa một cách sâu rộng trong các hoạt động của Trường*: Trong đào tạo, Trường phát triển những chuyên ngành hẹp, khác biệt với nhiều trường thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý. Trong NCKH, Trường đẩy mạnh hoạt động tư vấn cho các tổ chức và DN. Trường tiến hành xây dựng văn hóa tổ chức với những nét đặc trưng, độc đáo.

(3) *Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động tại địa bàn trọng tâm*: Địa bàn hoạt động trọng tâm đối với NCKH, đào tạo đại học và sau đại học của Trường là các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

(4) *Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình trường đại học*: Phát triển các đơn vị hoạt động trong những lĩnh vực mà Trường có thế mạnh, một số lĩnh vực hoạt động mang bản sắc của Trường như: marketing, thẩm định giá, kinh doanh bất động sản, hải quan, quản trị bán hàng, chính sách tài chính công.

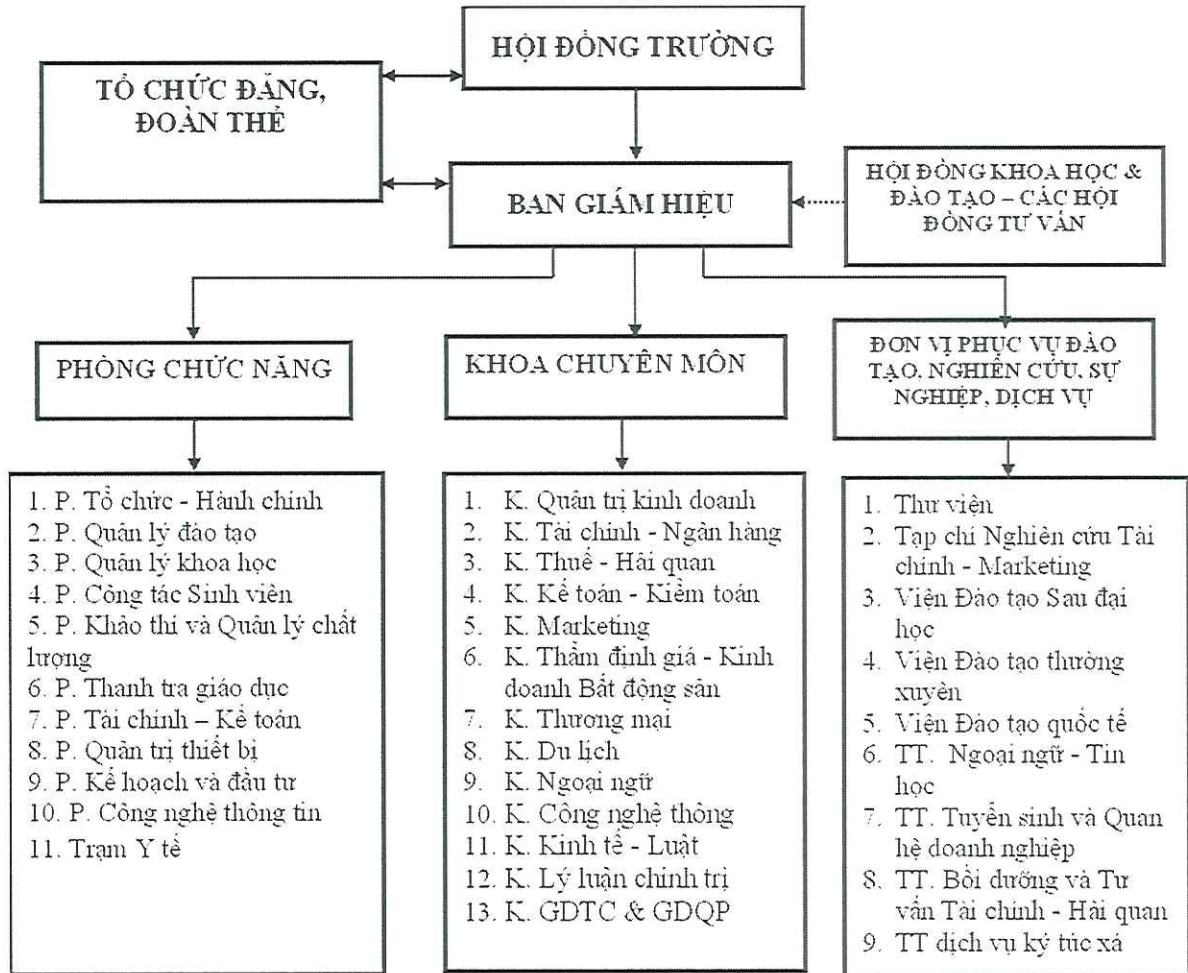
(5) *Hoàn thiện công tác quản lý theo hướng hiện đại hóa, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại trong giáo dục - đào tạo, triển khai hệ thống quản trị chất lượng giáo dục tiên tiến.

1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Trường

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTCM ban hành kèm theo Quyết nghị số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: (1) Hội đồng trường; (2) Ban Giám Hiệu (BGH); (3) Hội đồng

Khoa học và Đào tạo và các Hội đồng tư vấn; (4) Tổ chức Đảng, đoàn thể; (5) Các phòng chức năng; (6) Các Khoa chuyên môn; (7) Các đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, sự nghiệp, dịch vụ. Trong đó, có tổng 13 khoa chuyên môn, 9 đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, sự nghiệp, dịch vụ và 11 phòng chức năng.

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức Trường Đại học Tài chính – Marketing



Trường triển khai CTĐT từ trình độ cao đẳng đến trình độ tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị DN. Quy mô đào tạo tính đến tháng 12/2024 là 16.195 người học, trong đó có 68 NCS và 417 HV cao học, 13.392 sinh viên đại học chính quy, 1.091 sinh viên, học viên chương trình liên kết quốc tế, 1.168 sinh viên đại học VLVH và 120 sinh viên. Công tác quản lý đào tạo (QLĐT) của Trường được giao cho 4 đơn vị đầu mối là Phòng QLĐT, Viện đào tạo sau đại học, Viện đào tạo thường xuyên, Viện Đào tạo quốc tế. Hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông đại học chính quy, liên thông đại học vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên kết đào tạo với nước ngoài. Các ngành đào tạo bao gồm:

- Đào tạo đại học:

Chương trình chuẩn và đặc thù: 15 ngành với 29 chuyên ngành.

Chương trình chuẩn: 6 ngành với 12 chuyên ngành.

- Đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ: 3 ngành (TCNH, QTKD và Quản lý kinh tế)

- Đào tạo liên kết quốc tế: 5 ngành cử nhân và 01 ngành tiến sĩ.

2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế - Luật

Khoa Kinh tế - Luật được thành lập trên cơ sở tách Khoa Cơ bản thành Khoa Kinh tế - Luật và Khoa Lý luận chính trị theo Quyết định số 2233/QĐ-ĐHTCM ngày 31/10/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing về việc thành lập khoa Kinh tế - Luật và khoa Lý luận chính trị.

Khoa Kinh tế - Luật có chức năng đào tạo, tư vấn và nghiên cứu về kinh tế và luật cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có nhu cầu; thực hiện các chức năng quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý sinh viên, học viên theo sự phân cấp của Hiệu trưởng; đồng thời triển khai thực hiện các kế hoạch công tác của nhà trường và phối hợp với các đơn vị, các tổ chức đoàn thể có liên quan trong trường để thực hiện nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ chung của trường

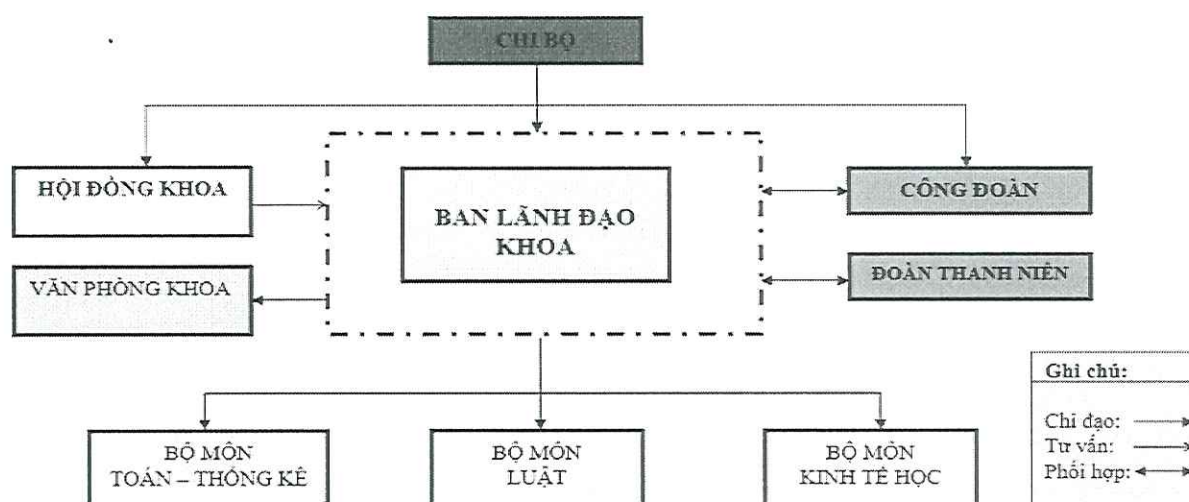
Với những chức năng và nhiệm vụ nêu trên, ngay từ khi thành lập, khoa Kinh tế - Luật đảm nhận và thực thi sứ mạng của một khoa chuyên ngành với 3 ngành đào tạo ở bậc đại học: Kinh tế (chuyên ngành Quản lý kinh tế), Toán Kinh tế (chuyên ngành Tài chính định lượng) và Luật kinh tế (chuyên ngành Luật đầu tư – kinh doanh). Từ tháng 7 năm 2024, bộ môn Toán - Thống kê được điều chuyển về thuộc Khoa khoa học dữ liệu để phục vụ cho việc mở ngành khoa học dữ liệu. Hiện nay, với 2 chuyên ngành đào tạo là Kinh tế và Luật Kinh tế, Khoa có hơn 500 sinh viên đại học các khóa đang theo học. Năm 2024, Khoa cũng đã được giao nhiệm vụ đào tạo cao học ngành quản lý kinh tế với hơn 120 học viên.

Sứ mạng của Khoa Kinh tế - Luật: Cung cấp nguồn nhân lực kinh tế đáng tin cậy và có chất lượng theo nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, chuyển giao những thành tựu khoa học về kinh tế cho xã hội.

Tầm nhìn của Khoa Kinh tế - Luật: Đến năm 2030, Khoa Kinh tế - Luật trở thành địa chỉ đào tạo kinh tế đa chuyên ngành, đa cấp độ và là một trong những trung tâm nghiên cứu - tư vấn về lĩnh vực kinh tế khu vực phía Nam Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức hành chính: Khoa Kinh tế - Luật hiện có 27 giảng viên, viên chức. Trong đó, có 2 Phó giáo sư, 6 tiến sĩ và 19 thạc sĩ (tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học là 100% và có 10 giảng viên trẻ đang theo học nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Trong đó, 100% GV có trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm vững vàng; nhiều GV được đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài; 40% GV có đủ năng lực giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng ngoại ngữ (tiếng Anh); nhiều GV đã có nhiều năm kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn nghề nghiệp. Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa Kinh tế - Luật gồm: Hội đồng Khoa; Trưởng khoa; 02 Bộ môn; Chi bộ Khoa Kinh tế - Luật và các tổ chức đoàn thể trực thuộc (bao gồm Tổ Công đoàn; Đoàn Khoa và Liên Chi hội SV; Câu lạc bộ SV; Hội cựu SV Khoa).

Hình 1.2: Cơ cấu tổ chức của Khoa Kinh tế - Luật



Hoạt động đào tạo và NCKH: Hiện tại, Khoa Kinh tế - Luật đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành kinh tế bao gồm 1 chuyên ngành Quản lý kinh tế với quy mô 280 sinh viên. Các CTĐT của Khoa được xây dựng cho từng khóa học và được triển khai rà soát định kỳ 02 năm/lần. Nội dung ĐCHP, giáo trình, bài giảng được các bộ môn cập nhật hàng năm theo yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và ĐBCLGD. Các GV chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo phương thức đào tạo tín chỉ để nâng cao năng lực tự học và hiệu quả học tập của SV. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của Khoa được thực hiện khá toàn diện trên các mặt NCKH của giảng viên và của sinh viên. Các hoạt động NCKH của giảng viên như thực hiện đề tài NCKH các cấp, viết bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế và quốc gia, tổ chức các hội thảo cấp trường, cấp khoa hằng năm, biên soạn giáo trình, tài liệu học tập... Hoạt động NCKH của sinh viên Khoa Kinh tế - Luật gia tăng về số lượng và chất lượng. Hàng năm nhiều đề tài NCKH sinh

viên đã đạt giải cao ở cấp Bộ, cấp Euréka và cấp trường. Các hoạt động khác về đảm bảo chất lượng và hợp tác doanh nghiệp, Khoa đều đảm bảo và thực hiện tốt.

Định hướng phát triển:

- Triển khai mô hình đào tạo theo định hướng ứng dụng (theo chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045) bắt đầu từ năm 2020 và hoàn chỉnh mô hình đào tạo này đối với tất cả các CTĐT của Khoa từ năm 2025.

- Duy trì quy mô đào tạo của Khoa ở mức 600-700 SV đại học và 120 học viên cao học. Trong đó, từ năm 2022 Khoa triển khai xây dựng chương trình cao học ngành Quản lý kinh tế;

- Nâng cao năng lực NCKH và chuyển giao công nghệ của GV và SV để bắt đầu từ năm 2020 tất cả các GV hàng năm đều phải có sản phẩm NCKH và chuyển giao công nghệ đăng trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISSN. Trong đó, năm 2022 có 20-30% GV có bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín và tỉ lệ này đến năm 2025 là 40-50%.

- Phát triển đội ngũ GV của Khoa đến năm 2025 là 30 người. Trong đó, số lượng GV có trình độ TS, PGS chiếm tỉ lệ 20%; đồng thời 50% GV có đủ năng lực giảng dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh; trên 60% GV có đủ năng lực giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành theo mô hình đào tạo định hướng ứng dụng.

Phát triển mạnh quan hệ hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục, đào tạo và DN để chia sẻ nguồn lực CSVN và nâng cao hiệu quả của mô hình đào tạo theo hướng ứng dụng. Trong đó, bắt đầu từ 2023 Khoa Kinh tế - Luật hợp tác cùng đào tạo với 10 DN; đến năm 2025 là 20 DN và ít nhất 1-2 cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của nước ngoài.

Phụ lục 2
TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Tên CTĐT: Luật kinh tế

Mã CTĐT: 7310101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100 %
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1				4				4,43	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								4,60	5	100%
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4				4,80	5	100%
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,82	50	100%

Phụ lục 3
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC SÀI GÒN

Số: 257/QĐ-KĐCLGDSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC SÀI GÒN

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BGDĐT ngày 16/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4388/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Công văn số 768/DHTCM-KTQLCL ngày 18/3/2025 của Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc phân hời danh sách dự kiến đoàn đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế và Toán kinh tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing (Danh sách chi tiết kèm theo Quyết định này).

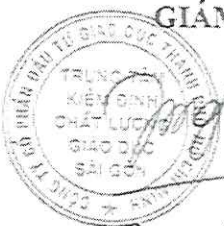
Điều 2. Đoàn đánh giá ngoài có trách nhiệm tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Đoàn đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLCL, Bộ GDĐT (để b/c);
- Trường ĐH Tài chính - Marketing (để ph/h);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

 Dương Mộng Hà



**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC SÀI GÒN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Đoàn đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing
(Kèm theo Quyết định số 257/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18/3/2025
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Mã số thẻ KĐV	Nhiệm vụ trong đoàn
1	PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga	Phó Giám đốc, TT KĐCLGD Sài Gòn	2014.1.039	Trưởng Đoàn
2	ThS. Lê Như Dzi	Kiểm định viên, TT KĐCLGD Sài Gòn	2014.1.017	Thư ký
3	TS. Nguyễn Văn Hải	Kiểm định viên, TT KĐCLGD Sài Gòn	2015.01.103	Thành viên TT
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Hiệu trưởng, Trường ĐH KT-KT Bình Dương	2014.02.066	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn	Nguyên Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	2016.01.231	Thành viên

Danh sách đoàn đánh giá ngoài bao gồm 05 người.

Phụ lục 4
LỊCH TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Thời gian: 3,5 ngày (Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 4 năm 2025)

Địa điểm: Trường Đại học Tài chính – Marketing

778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

Thành phần: Tất cả các thành viên Đoàn ĐGN và cán bộ hỗ trợ

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc
Ngày làm việc thứ 1 (Thứ Ba, ngày 08 tháng 4 năm 2025)		
08:00 - 08:15	Trường đón tiếp Đoàn và đưa vào Phòng làm việc của Đoàn ĐGN	Đại diện Trường Đoàn ĐGN Phòng A.113
08:15 - 10:30	1. Đoàn làm việc nội bộ (<i>Họp thống nhất nguyên tắc, phân công NV</i>). 2. Nghiên cứu hồ sơ, minh chứng	Đoàn ĐGN Phòng A.113
Từ 09:00 ngày 08/4 đến 17:00 ngày 09/4/2025	Khảo sát ý kiến qua Google Forms tình hình việc làm của NH tốt nghiệp	<i>Theo DS có thông tin liên lạc (điện thoại, email) tốt nghiệp do Trường cung cấp</i>
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Chương trình chi tiết kèm theo)	- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn. - Đoàn chuyên gia ĐGN. - Lãnh đạo Trường. - Lãnh đạo các Khoa/BM có CTĐT được đánh giá. - Các nhóm chuyên trách và Hội đồng TĐG của 02 CTĐT. - CB, GV, NH của 02 CTĐT được đánh giá. Sảnh trệt Khu A 778 Nguyễn Kiệm
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa	
13:30 – 14:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN Phòng A.113

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc
14:00 – 15:00	Phỏng vấn Nhà tuyển dụng (có tiếp nhận NH tốt nghiệp làm việc)	Ngành Luật kinh tế Phòng PV1 (Phòng C.002)
		Ngành Toán kinh tế Phòng PV2 (Phòng C.003)
15:00 – 15:15	Đoàn hội ý chuyên môn	Đoàn ĐGN Phòng C.001
15:15 - 16:15	Phỏng vấn Phụ trách chuyên môn (Trưởng/phó Khoa, Trưởng/Phó Bộ môn của 02 CTĐT được đánh giá)	Ngành Luật kinh tế, Toán kinh tế Phòng PV1 (Phòng C.002)
16:15 – 16:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Đoàn ĐGN Phòng C.001
16:30 – 17:30	Phỏng vấn Giảng viên	Ngành Luật kinh tế Phòng PV1 (Phòng C.002)
		Ngành Toán kinh tế Phòng PV2 (Phòng C.003)
Ngày làm việc thứ 2 (Thứ Tư, ngày 09 tháng 4 năm 2025)		
08:00 - 08:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Đoàn ĐGN Phòng C.001
08:30 - 09:30	Phỏng vấn Người học (offline) và cựu Người học (online)	Ngành Luật kinh tế Phòng PV1 (Phòng C.002)
		Ngành Toán kinh tế Phòng PV2 (Phòng C.003)
09:30 - 09:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Đoàn ĐGN Phòng C.001
09:45 – 10:45	Phỏng vấn LĐ các đơn vị chức năng (các Phòng chức năng, các Trung tâm/viện, Đoàn, Hội) có liên quan đến CTĐT được đánh giá	Đoàn ĐGN Phòng PV1 (Phòng C.002)
	Phỏng vấn Cán bộ hỗ trợ (thuộc các Phòng, Viện, Trung tâm, Đoàn thể, nhân viên của các khoa) có liên quan đến CTĐT được đánh giá	Đoàn ĐGN Phòng PV2 (Phòng C.003)
10:45 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN Phòng A.113
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa	

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc
13:30 - 14:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN Phòng A.113
14:00 - 15:00	Quan sát thực tế văn phòng khoa/bộ môn; phòng học, Thư viện, phòng máy tính và phòng tư liệu các Khoa phụ trách 02 CTĐT	Thành viên Đoàn ĐGN (có thông tin thực tế sau) Cán bộ hỗ trợ của Trường Tại các đơn vị thuộc Trường
	Quan sát thực tế phòng Y tế, phòng làm việc các Khoa, phòng/ban chức năng liên quan, khuôn viên Trường và cơ sở vật chất khác	
15:00 - 16:30	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Nhân sự, Đào tạo, Quản lý sinh viên, Quản lý khoa học, Đảm bảo chất lượng, Tuyển sinh, Chương trình đào tạo.	Đoàn ĐGN Phòng A.113
16:30 - 17:30	Họp đoàn lần 1	
17:00	Kết thúc khảo sát ý kiến qua Google Form tình hình việc làm của NH tốt nghiệp	
Ngày làm việc thứ 3 (Thứ Năm, ngày 10 tháng 4 năm 2025)		
08:00 - 10:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng tùy theo tình hình thực tế phát sinh.	Đoàn ĐGN Phòng A.113
	Các thành viên chuẩn bị báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công.	
10:30 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Trường và Lãnh đạo các Khoa có 02 CTĐT được đánh giá, các nhóm chuyên trách	- Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Nhà trường; - Lãnh đạo các Khoa của 02 CTĐT được đánh giá; Các Hội đồng TĐG của 02 CTĐT.
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN Phòng A.113
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa	
13:30 - 16:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng tùy theo tình hình thực tế phát sinh.	Phòng làm việc của Đoàn ĐGN (CB Trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 10 phút)

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc
	Các thành viên chuẩn bị báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công.	
16:30 - 17:30	Họp Đoàn ĐGN lần 2: - Trưởng Đoàn tổng hợp Báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ - Thư ký tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt KSCT	Đoàn ĐGN Phòng A.113
Ngày làm việc thứ 4 (Thứ Sáu, ngày 11 tháng 4 năm 2025)		
08:00 - 09:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN Phòng A.113
09:30 - 11:00	Bế mạc đợt Khảo sát chính thức (có chương trình chi tiết kèm theo)	- Đoàn chuyên gia ĐGN - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn - Lãnh đạo Nhà trường - Lãnh đạo các Khoa/Bộ môn của 02 CTĐT được đánh giá - Các Hội đồng TĐG 02 CTĐT - Đại diện các đơn vị trong Trường - Đại diện GV và NH của 02 CTĐT
11:00 – 11:15	- Ký Biên bản hoàn thành đợt KSCT giữa Đoàn ĐGN, Trường Đại học Tài chính – Marketing và Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn - Chụp ảnh lưu niệm.	Sảnh trệt Khu A 778 Nguyễn Kiệm

Phụ lục 5

**CÔNG VĂN PHẢN HỒI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1289~~/ĐHTCM-KTQLCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2025

V/v thống nhất dự thảo báo cáo ĐGN
02 CTĐT Luật kinh tế, Toán kinh tế

Kính gửi: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn

Phúc đáp công văn số 326/KĐCLGDSG ngày 25/4/2025 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (Trung tâm) về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài 02 chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành Luật kinh tế, Toán kinh tế của Trường Đại học Tài chính - Marketing (Trường), sau khi nghiên cứu Trường có ý kiến như sau:

Đồng ý với kết quả đánh giá ngoài và các nội dung trong dự thảo báo cáo đánh giá ngoài đối với 02 chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành Luật kinh tế, Toán kinh tế của Trường.

Kính đề nghị Trung tâm ban hành báo cáo đánh giá ngoài chính thức 02 chương trình đào tạo nêu trên để Trường triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Tự đánh giá;
- Lưu: VT, KTQLCL. 



Phụ lục 6
VĂN BẢN CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI GỬI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
VỀ VIỆC TIẾP THU HOẶC BẢO LƯU Ý KIẾN CỦA ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
<Không>

Trên đây là báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Tài chính - Marketing của đoàn đánh giá ngoài thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18/3/2025./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Dương Mộng Hà

**TM. ĐOÀN ĐGN
TRƯỞNG ĐOÀN**

A blue ink signature, likely belonging to Đỗ Hạnh Nga, written in a cursive style.

Đỗ Hạnh Nga

